

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG



# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH : KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN**

**HẢI PHÒNG – 2022**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN  
VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH  
ĐẠI HỮU**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH: KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN**

**Sinh viên: Nguyễn Mai Hương**

**Giảng viên hướng dẫn: Th.s Phạm Thị Kim Oanh**

**HẢI PHÒNG – 2022**

## **NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Sinh viên : Nguyễn Mai Hương**

**Mã SV : 1812401008**

**Lớp : QT2201K**

**Ngành : Kế toán – Kiểm toán**

**Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Đại Hữu**

## **NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI**

### **1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp**

- Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán thanh toán.
- Mô tả và tìm hiểu thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Đại Hữu.
- Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Đại Hữu nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

### **2. Các tài liệu, số liệu cần thiết**

Sưu tầm, lựa chọn từ các số liệu tài liệu phục vụ cho việc minh họa công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Đại Hữu.

### **3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp**

Tại: Công ty TNHH Đại Hữu - Thôn Kiến Phong, xã Đồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

**MỤC LỤC**

<b>LỜI MỞ ĐẦU.....</b>	<b>9</b>
<b>CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA.....</b>	<b>11</b>
1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa. ....	11
1.2. Các phương thức thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa. ....	11
1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người mua trong doanh nghiệp nhỏ và vừa .....	12
1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	12
1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách trong kế toán thanh toán với người mua trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	13
1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thanh toán với người mua trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	14
1.4. Nội dung kế toán thanh toán với người bán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa .....	19
1.4.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán .....	19
1.4.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán .....	20
1.4.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa. ....	21
1.5. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa. ....	26
1.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái .....	26
1.5.2 Hình thức kế toán Nhật ký chung .....	28
1.5.3 .Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ .....	30
1.5.4. Kế toán trên máy vi tính.....	31
<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH ĐẠI HỮU.....</b>	<b>33</b>

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Đại Hữu.....	33
2.1.1. Quá trình hình thành phát triển của Công ty TNHH Đại Hữu.....	33
2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Đại Hữu.....	34
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Đại Hữu .....	36
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Đại Hữu.....	37
2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Đại Hữu.....	39
2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Đại Hữu.....	39
2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Đại Hữu .....	40
2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH Đại Hữu .....	49
<b>CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH ĐẠI HỮU .....</b>	<b>69</b>
3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty TNHH Đại Hữu.....	69
3.1.1. Ưu điểm.....	69
3.1.2. Hạn chế.....	69
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua và người bán tại Công ty TNHH Đại Hữu.....	70
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Đại Hữu.....	71
3.4. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty TNHH Đại Hữu .....	72
3.2.1. Ý kiến đề xuất hoàn thiện hoàn thiện vận dụng phần mềm kế toán.....	72
3.2.2. Ý kiến đề xuất hoàn thiện việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi .	74
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>80</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>81</b>

**DANH MỤC SƠ ĐỒ**

Sơ đồ 1.1. Kế toán thanh toán với người mua .....	19
Sơ đồ 1.2. Kế toán thanh toán với người bán.....	25
Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán hình thức Nhật ký- Sổ cái .....	26
Sơ đồ 1.4 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung .....	28
Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.....	30
Sơ đồ 1.6 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy .....	31
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Đại Hữu ....	36
Sơ đồ 2.2. Cơ cấu bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Đại Hữu.....	37
Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung .....	38
Sơ đồ 2.4 Trình tự luân chuyển kế toán thanh toán với người mua.....	41
Sơ đồ 2.5 Trình tự luân chuyển kế toán thanh toán với người bán.....	50

**DANH MỤC BẢNG BIỂU**

Biểu số 2.1: Hợp đồng kinh tế.....	42
Biểu số 2.2: Giấy báo có .....	46
Biểu số 2.3: Hoá đơn Giá trị gia tăng.....	47
Bảng số 2.4: Phiếu thu.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Biểu số 2.5: Hoá đơn Giá trị gia tăng.....	50
Biểu số 2.6. sổ chi tiết thanh toán với người mua.....	51
Biểu số 2.7. sổ chi tiết thanh toán với người mua.....	52
Biểu số 2.8. sổ chi tiết thanh toán với người mua.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Biểu số 2.9. sổ chi tiết thanh toán với người mua.....	46
Bảng 2.10: Trích sổ nhật ký chung .....	47
Bảng 2.11: Trích sổ cái TK 131 .....	48
Biểu số 2.12: Hoá đơn Giá trị gia tăng.....	51
Biểu số 2.13. Phiếu nhập kho số 69 .....	52
Biểu số 2.14. Hợp đồng kinh tế.....	53
Biểu số 2.15: Phiếu chi.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Biểu số 2.16. Phiếu nhập kho số 69 .....	60
Biểu số 2.17: Hoá đơn Giá trị gia tăng.....	62
Biểu số 2.18: Phiếu chi.....	63
Biểu số 2.19: Giấy báo nợ.....	66
Biểu số 2.20. sổ chi tiết thanh toán với người bán.....	67
Biểu số 2.21. sổ chi tiết thanh toán với người bán.....	68
Biểu số 2.22. sổ chi tiết thanh toán với người bán.....	69
Biểu số 2.23. sổ chi tiết thanh toán với người mua.....	66
Bảng 2.24: Trích sổ nhật ký chung .....	67
Bảng 2.25: Trích sổ cái TK 331 .....	68
Biểu 3.4: Bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.....	76



## LỜI MỞ ĐẦU

Đối với bất kỳ nền kinh tế nào, việc tổ chức kế toán một cách hợp lý có vai trò hết sức quan trọng, đặc biệt để thực hiện tốt việc quản lý kinh tế ở các doanh nghiệp. Tổ chức công tác kế toán tốt là điều kiện để phát huy đầy đủ các chức năng nghiệp vụ của kế toán đồng thời giảm chi phí tới mức thấp nhất. Và bất kỳ doanh nghiệp nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình cũng đều bao gồm rất nhiều mối quan hệ kinh tế trong đó có các vấn đề liên quan tới thanh toán như: thanh toán với Nhà nước, với nhân viên, thanh toán nội bộ, thanh toán với người mua, nhà cung cấp,... Tuy nhiên chiếm mật độ cao và thường xuyên nhất là quan hệ thanh toán với người mua hàng và người bán hàng.

Đối với các doanh nghiệp, quan hệ thanh toán với người mua và người bán gắn liền với quá trình mua vào và bán ra hàng hóa. Các nghiệp vụ liên quan đến quan hệ này diễn ra thường xuyên đồng thời hình thức sử dụng trong thanh toán và phương thức thanh toán ảnh hưởng tới việc ghi chép của kế toán lại thường xuyên biến đổi. Việc thanh toán liên quan trực tiếp tới một số khoản mục thuộc về vốn bằng tiền, các khoản phải thu, nợ phải trả,... nên có ảnh hưởng lớn tới tình hình tài chính của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Trước những thay đổi liên tục phát triển và mở rộng của quan hệ thanh toán với người mua và người bán, ảnh hưởng của nó tới tình hình tài chính của mỗi doanh nghiệp, yêu cầu nghiệp vụ đối với kế toán thanh toán cũng cao hơn. Kế toán không chỉ có nhiệm vụ ghi chép mà còn phải chịu trách nhiệm thu hồi nhanh các khoản nợ, tìm nguồn huy động vốn để trả nợ, biết lường trước và hạn chế rủi ro trong thanh toán.

Trong quá trình hoàn thiện để có thể thích nghi với những thay đổi đó, kế toán chịu trách nhiệm sẽ gặp phải không ít những khó khăn, đây là điều không thể tránh khỏi. Quá trình tìm hiểu về mặt lý luận tại trường cũng như học thực tế trong quá trình hướng dẫn, chỉ bảo tận tình của giáo viên hướng dẫn em đã nhìn nhận được tầm quan trọng và ý nghĩa nêu trên nên đã mạnh dạn đi sâu, tìm hiểu và lựa chọn đề tài: “ ***Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán tại Công ty TNHH Đại Hữu***” làm đề tài khóa luận.

Nội dung của đề tài được trình bày trong 3 chương :

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Đại Hữu.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Đại Hữu

---

**CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN  
THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TRONG  
DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA.**

**1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

Đối với bất kỳ nền kinh tế nào, việc tổ chức kế toán một cách hợp lý có vai trò hết sức quan trọng, đặc biệt để thực hiện tốt việc quản lý kinh tế ở các doanh nghiệp. Tổ chức công tác kế toán tốt là điều kiện để phát huy đầy đủ các chức năng nghiệp vụ của kế toán đồng thời giảm chi phí tới mức thấp nhất. Và trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng đều bao gồm rất nhiều mối quan hệ kinh tế trong đó có các vấn đề liên quan tới thanh toán như: thanh toán với Nhà nước, với nhân viên, thanh toán nội bộ, thanh toán với người mua, nhà cung cấp,... Tuy nhiên chiếm mật độ cao và thường xuyên nhất là quan hệ thanh toán với người mua hàng và người bán hàng. Đối với các doanh nghiệp, quan hệ thanh toán với người mua và người bán gắn liền với quá trình mua vào và bán ra hàng hóa. Các nghiệp vụ liên quan đến quan hệ này diễn ra thường xuyên đồng thời hình thức sử dụng trong thanh toán và phương thức thanh toán ảnh hưởng tới việc ghi chép của kế toán lại thường xuyên biến đổi. Việc thanh toán liên quan trực tiếp tới một số khoản mục thuộc về vốn bằng tiền, các khoản phải thu, nợ phải trả,... nên có ảnh hưởng lớn tới tình hình tài chính của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Việc theo dõi kịp thời các khoản nợ phải thu cũng như các khoản nợ phải trả người bán sẽ giúp cho doanh nghiệp xây dựng các phương án về thu hồi vốn cũng như trả nợ kịp thời, tránh dây dưa, ứ đọng

**1.2. Các phương thức thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

Trong quan hệ thanh toán, có hai phương thức thanh toán cơ bản đó là: thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

- Phương thức thanh toán bằng tiền mặt: Là hình thức bán hàng thu tiền ngay, bên mua sẽ xuất tiền mặt ra khỏi quỹ để thanh toán trực tiếp cho người bán khi nhận được vật tư, hàng hóa. Phương thức này thường được áp dụng đối với những giao dịch phát sinh với số tiền nhỏ (hiện nay áp dụng đối với những khoản nhỏ hơn 20 triệu đồng), nghiệp vụ đơn giản, khoảng cách giữa hai bên hẹp.

- Phương thức thanh toán không bằng tiền mặt: Thanh toán không dùng tiền mặt là cách thức thanh toán trong đó không có sự xuất hiện của tiền mặt mà việc thanh toán được thực hiện bằng cách trích chuyển trên các tài khoản của các chủ thể liên quan đến số tiền phải thanh toán. Thanh toán không dùng tiền mặt còn được định nghĩa là phương thức thanh toán không trực tiếp dùng tiền mặt mà dựa vào các chứng từ hợp pháp như giấy nhờ thu, giấy ủy nhiệm chi, séc... để trích chuyển vốn tiền tệ từ tài khoản của đơn vị này sang tài khoản của đơn vị khác ở ngân hàng. Thanh toán không dùng tiền mặt gắn với sự ra đời của đồng tiền ghi sổ. Trong tương lai, theo đà phát triển của xã hội và theo nhu cầu của thị trường, thanh toán không dùng tiền mặt sẽ giữ một vị trí cực kỳ quan trọng trong việc lưu chuyển tiền tệ và trong thanh toán giá trị của nền kinh tế.

Trong thanh toán không bằng tiền mặt doanh nghiệp có thể sử dụng các phương thức cụ thể sau:

+ Phương thức nhờ thu phiếu tron: là phương thức nhờ thu trong đó người xuất khẩu ủy thác cho ngân hàng thu hộ tiền từ người nhập khẩu căn cứ vào hối phiếu do mình lập ra còn chứng từ hàng hóa thì gửi thẳng cho người nhập khẩu, không gửi cho ngân hàng. Người bán giao hàng cho người mua và gửi thẳng bộ chứng từ cho người mua để người mua nhận hàng. Hối phiếu được lập và gửi đến ngân hàng nhờ thu tiền.

+ Phương thức thanh toán ủy nhiệm chi: là phương tiện thanh toán mà người trả tiền lập lệnh thanh toán theo mẫu do Ngân hàng quy định, gửi cho ngân hàng nơi mình mở tài khoản yêu cầu trích một số tiền nhất định trên tài khoản của mình để trả cho người thụ hưởng. + Phương thức tín dụng chứng từ: là phương thức thanh toán, trong đó theo yêu cầu của khách hàng, một ngân hàng sẽ phát hành một bức thư (gọi là thư tín dụng- letter of credit) cam kết trả tiền hoặc chấp nhận hối phiếu cho một bên thứ ba khi người này xuất trình cho ngân hàng bộ chứng từ thanh toán phù hợp với những điều kiện và điều khoản quy định trong thư tín dụng. + Phương thức nhờ thu kèm chứng từ: là phương thức thanh toán , trong đó người bán sau khi giao hàng, ký phát hối phiếu và gửi kèm với bộ chứng từ bán hàng để nhờ ngân hàng thu hộ tiền từ người mua với điều kiện là ngân hàng chỉ trao bộ chứng từ cho người mua sau khi người này trả tiền hối phiếu, hoặc ký chấp nhận thanh toán hối phiếu có kỳ hạn

**1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người mua trong doanh nghiệp vừa và nhỏ .**

### **1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua trong doanh nghiệp vừa và nhỏ**

Để theo dõi kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thanh toán với người mua (khách hàng) kế toán cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Kế toán khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán.

Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hoá, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính. Không phản ánh vào nội dung này các nghiệp vụ bán hàng hóa, cung cấp lao vụ dịch vụ trả tiền ngay.

- Đối với các khách hàng giao dịch thường xuyên, có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối tháng kế toán phải kiểm tra, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán, số còn phải thanh toán, có xác nhận bằng văn bản.

- Đối với các khoản phải thu có gốc ngoại tệ thì phải theo dõi cả nguyên tệ và quy đổi theo đồng Việt Nam. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo thực tế.

- Đối với các khoản phải thu phát sinh bằng vàng, bạc, đá quý cần chi tiết theo cả chỉ tiêu giá trị và hiện vật. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo tỷ giá thực tế. -Cần phải phân loại các khoản phải thu khách hàng theo thời gian thanh toán cũng như theo đối tượng nhất là những đối tượng có vấn đề để có kế hoạch và biện pháp thu hồi nợ.

### **1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách trong kế toán thanh toán với người mua trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

#### **a. Chứng từ sử dụng**

- Hợp đồng kinh tế.
- Hóa đơn GTGT( hay hóa đơn bán hàng).
- Phiếu xuất kho.
- Phiếu thu.
- Giấy báo có Ngân hàng.
- Biên bản bù trừ công nợ.
- Giấy nộp tiền.
- Các chứng từ khác có liên quan.

#### **b. Tài khoản sử dụng**

Để theo dõi các khoản thanh toán với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, tài khoản kế toán sử dụng tài khoản 131- Phải thu của khách hàng. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, tài sản cố định, dịch vụ cung cấp. Tài khoản 131 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Số tiền phải thu của khách hàng về sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, TSCĐ đã giao, dịch vụ đã cung cấp và được xác định là đã bán trong kỳ.
  - Số tiền thừa trả lại cho khách hàng.
  - Số tiền khách hàng đã trả nợ;
  - Khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại hay chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại cho khách hàng.
  - Số tiền đã nhận ứng trước của khách hàng;
- + Số Dư Bên Nợ:
- Số tiền còn phải thu của khách hàng.
- + Số Dư Bên Có (nếu có):
- Phản ánh số tiền đã nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể.

**c. Sổ sách sử dụng**

- Sổ chi tiết phải thu của khách hàng.
- Sổ tổng hợp phải thu của khách hàng.
- Sổ cái tài khoản 131,...

**1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thanh toán với người mua trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

(1) Khi bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ chưa thu được ngay bằng tiền (kể các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác), kế toán ghi nhận doanh thu, ghi:

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi trường, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng ( Tổng giá thanh toán)

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp Nhà nước.

- Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp, kế toán ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp. Định kỳ kế toán xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và ghi giảm doanh thu, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

(2) Kế toán hàng bán bị khách hàng trả lại:

Nợ TK 511 – Hàng bán bị trả lại (giá bán chưa có thuế)

Nợ TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, chi tiết cho từng loại thuế)

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng.

(3) Kế toán chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán

- Trường hợp số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán đã ghi ngay trên hóa đơn bán hàng, kế toán phản ánh doanh thu theo giá đã trừ chiết khấu, giảm giá (ghi nhận theo doanh thu thuần) và không phản ánh riêng số chiết khấu, giảm giá;

- Trường hợp trên hóa đơn bán hàng chưa thể hiện số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán do khách hàng chưa đủ điều kiện để được hưởng hoặc chưa xác định được số phải chiết khấu, giảm giá thì doanh thu ghi nhận theo giá chưa trừ chiết khấu (doanh thu gộp). Sau thời điểm ghi nhận doanh thu, nếu khách hàng đủ điều kiện được hưởng chiết khấu, giảm giá thì kế toán phải ghi nhận riêng khoản chiết khấu giảm giá để định kỳ điều chỉnh giảm doanh thu gộp, ghi:

Nợ TK 511 - Các khoản giảm trừ doanh thu

Nợ TK 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế của hàng giảm giá, chiết khấu thương mại)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng (tổng số tiền giảm giá).

(4) Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 111 - Tiền mặt

Nợ TK 112 - Tiền gửi Ngân hàng

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Số tiền chiết khấu thanh toán)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(5) Nhận được tiền do khách hàng trả (kể cả tiền lãi của số nợ - nếu có), nhận tiền ứng trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ TK 111, 112,....

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (phần tiền lãi).

Trường hợp nhận ứng trước bằng ngoại tệ thì bên Có TK 131 ghi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận tiền ứng trước (tỷ giá mua của ngân hàng nơi thực hiện giao dịch)

(6) Phương pháp kế toán các khoản phải thu của nhà thầu đối với khách hàng liên quan đến hợp đồng xây dựng:

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, kế toán căn cứ vào chứng từ phản ánh doanh thu tương ứng với phần công việc đã hoàn thành (không phải hóa đơn) do nhà thầu tự xác định, ghi:

Nợ TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Căn cứ vào hóa đơn được lập theo tiến độ kế hoạch để phản ánh số tiền khách hàng phải trả theo tiến độ kế hoạch đã ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 337 - Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, kế toán phải lập hóa đơn trên cơ sở phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận, căn cứ vào hóa đơn, ghi:

- Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

- Khoản tiền thưởng thu được từ khách hàng trả phụ thêm cho nhà thầu khi thực hiện hợp đồng đạt hoặc vượt đã được ghi trong hợp đồng, ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

- Khoản bồi thường thu được từ khách hàng hay các bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá trị hợp đồng (như sự chậm trễ, sai sót của khách hàng và các tranh chấp về các thay đổi trong việc thực hiện hợp đồng), ghi:

Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311).

- Khi nhận được tiền thanh toán khối lượng công trình hoàn thành hoặc khoản ứng trước từ khách hàng, ghi:

Nợ các TK 111, 112,...

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(7) Trường hợp khách hàng không thanh toán bằng tiền mà thanh toán bằng hàng (theo phương thức hàng đổi hàng), căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hoá nhận trao đổi (tính theo giá trị hợp lý ghi trong Hoá đơn GTGT hoặc Hoá đơn bán hàng của khách hàng) trừ vào số nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153 - Công cụ, dụng cụ

Nợ TK 156 - Hàng hóa

Nợ TK 611- Mua hàng (hàng tồn kho kế toán theo phương pháp KKĐK)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(8) Trường hợp phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu nợ được phải xử lý xóa sổ, căn cứ vào biên bản xử lý xóa nợ, ghi:

Nợ TK 229 - Dự phòng tổn thất tài sản (2293) (số đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh (số chưa lập dự phòng)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng.

(9) Kế toán khoản phải thu về phí ủy thác tại bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu: Nợ TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5113)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311)

(10). Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua liên quan đến ngoại tệ - Tại thời điểm ghi doanh thu và khách hàng nhận nợ dựa vào tỷ giá thực tế hiện hành, ghi:

Nợ TK 131 (Tỷ giá ghi nhận nợ - tỷ giá thực tế)

Có TK 511 (Tỷ giá thực tế)

Có TK 3331 (Tỷ giá thực tế) - Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ:

+ Nếu phát sinh lỗi chênh lệch tỷ giá trong giao dịch thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ TK 111(1112),112(1122) - Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính ( Lỗi tỷ giá hối đoái )

Có TK 131- Tỷ giá ghi sổ kế toán

+ Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái khi thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ các TK 111(1112),112(1122) - Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 131 - Tỷ giá ghi sổ kế toán

- Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại thời điểm báo cáo:

+ Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái (tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ giá Đồng Việt Nam), ghi:

Nợ TK 131 – Phải thu của khách hàng

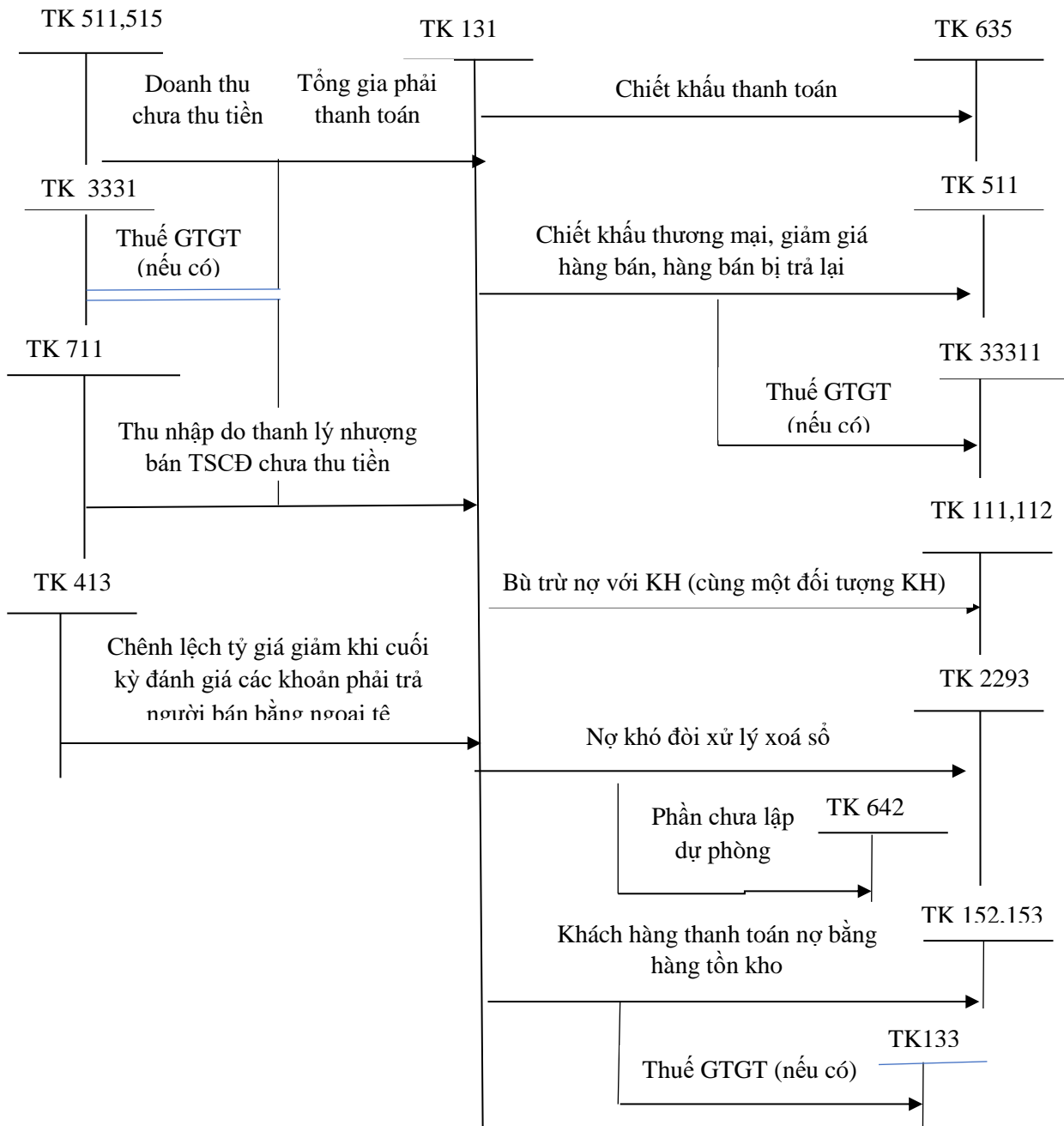
Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

+ Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái (tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ giá Đồng Việt Nam), ghi:

Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng.

theo đúng quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.



### Sơ đồ 1.1. Kế toán thanh toán với người mua

#### 1.4. Nội dung kế toán thanh toán với người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

##### 1.4.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán.

Khoản phải trả người bán phản ánh các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán tài sản cố định, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Đồng thời cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ.

Để theo dõi kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thanh toán với người bán kế toán cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Đối với các nhà cung cấp giao dịch thường xuyên, có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối tháng kế toán phải kiểm tra, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán, số còn phải thanh toán, có xác nhận bằng văn bản.

- Phải theo dõi chi tiết từng khoản nợ phải trả nhà cung cấp theo từng đối tượng, thường xuyên đối chiếu, kiểm tra đôn đốc việc thu hồi nợ.

- Đối với các khoản phải trả có gốc ngoại tệ thì phải theo dõi cả nguyên tệ cả nguyên tệ và quy đổi theo đồng Việt Nam. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo thực tế.

- Đối với các khoản phải trả phát sinh bằng vàng, bạc, đá quý cần chi tiết theo cả chỉ tiêu giá trị và hiện vật. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo tỷ giá thực tế.

- Cần phải phân loại các khoản phải trả khách hàng theo thời gian thanh toán cũng như theo đối tượng để có kế hoạch thanh toán phù hợp.

**1.4.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán .**

**\* Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn mua hàng
- Biên bản kiểm nghiệm
- Phiếu nhập kho
- Biên bản đối chiếu công nợ
- Biên bản thanh lý hợp đồng
- Các chứng từ liên quan khác

**\* Tài khoản và sổ sách sử dụng**

- Tài khoản 331 – Phải trả cho người bán Để theo dõi các khoản nợ phải trả cho người cung cấp, người bán vật tư hàng hóa, dịch vụ... kế toán sử dụng tài khoản 331

- Phải trả cho người bán. Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả. Tài khoản 331 có kết cấu như sau:

+ Bên Nợ:

- Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ;
- Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hoá hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng;

- Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào nợ phải trả cho người bán;

- Giá trị vật tư, hàng hoá thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán.

- Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hoá, dịch vụ;

+ Bên Có:

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ ;

- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hoá, dịch vụ đã nhận, khi có hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức.

+ Số dư bên Có:

- Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp.

- Tài khoản này có thể có số dư bên Nợ, số dư bên Nợ (nếu có) phản ánh số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ.

**\* Sổ sách sử dụng:**

- Sổ chi tiết thanh toán cho từng người bán;

- Sổ tổng hợp thanh toán với người bán;

- Sổ cái các tài khoản 331, 111, 112, ...

### **1.4.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

(1). Mua vật tư, hàng hóa, TSCĐ chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên: a) Trường hợp mua trong nội địa, ghi:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211... (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa, TSCĐ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

b) Trường hợp nhập khẩu, ghi:

- Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu Có TK 33381

- Thuế bảo vệ môi trường.

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

(2). Mua vật tư, hàng hoá chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

a. Trường hợp mua trong nội địa:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán)

b. Trường hợp nhập khẩu, ghi: - Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng.

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu Có TK 33381

- Thuế bảo vệ môi trường.

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

(3). Khi ứng trước tiền hoặc thanh toán số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 111, 112, 341,...

- Trường hợp phải thanh toán cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch).

- Trường hợp đã ứng trước tiền cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán ghi nhận giá trị đầu tư XD CB tương ứng với số tiền đã ứng trước theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước.

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (tỷ giá giao dịch thực tế)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế thấp hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền)

Có các TK 111, 112,... (tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế cao hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền).

(4). Khi nhận lại tiền do người bán hoàn lại số tiền đã ứng trước vì không cung cấp được hàng hóa, dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112,... Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

(5). Nhận dịch vụ cung cấp (chi phí bán hàng hoá, điện, nước, điện thoại, kiểm toán, tư vấn, quảng cáo, dịch vụ khác) của người bán:

Nợ TK 156 - Hàng hóa (1562)

Nợ TK 241 - XDCB dở dang

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước

Nợ các TK 623, 156, 642, 635, 811

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

(6). Chiết khấu thanh toán mua vật tư, hàng hoá doanh nghiệp được hưởng do thanh toán trước thời hạn phải thanh toán, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

(7). Trường hợp vật tư, hàng hoá mua vào phải trả lại hoặc được người bán chấp thuận giảm giá do không đúng quy cách, phẩm chất được tính trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có các TK 152, 153, 156, 611,...

(8). Trường hợp các khoản nợ phải trả cho người bán không tìm ra chủ nợ hoặc chủ nợ không đòi và được xử lý ghi tăng thu nhập khác của doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 711 - Thu nhập khác.

(9). Đối với nhà thầu chính, khi xác định giá trị khối lượng xây lắp phải trả cho nhà thầu phụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng số tiền phải trả cho nhà thầu phụ gồm cả thuế GTGT đầu vào).

(10). Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán liên quan đến ngoại tệ

- Khi phát sinh các khoản công nợ đối với người bán thì phải theo dõi cả số nguyên tệ phát sinh, ghi: Nợ TK 152, 153, 211 - tỷ giá thực tế

Nợ TK 133 - VAT đầu vào được khấu trừ

Có TK 331 - phải trả cho người bán (tỷ giá ghi sổ kế toán)

- Khi thanh toán:

Nợ TK 331 - tỷ giá ghi sổ kế toán

Nợ TK 635 - nếu lỗ về tỷ giá hối đoái

Có TK111, 112... - số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế

Nợ TK 331 - tỷ giá ghi sổ kế toán

Có TK 111,112... - số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế .

Có TK 515 - nếu lãi về tỷ giá hối đoái.

- Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại thời điểm báo cáo:

+ Nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái (tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam), ghi:

Nợ TK 331 – Phải trả người bán

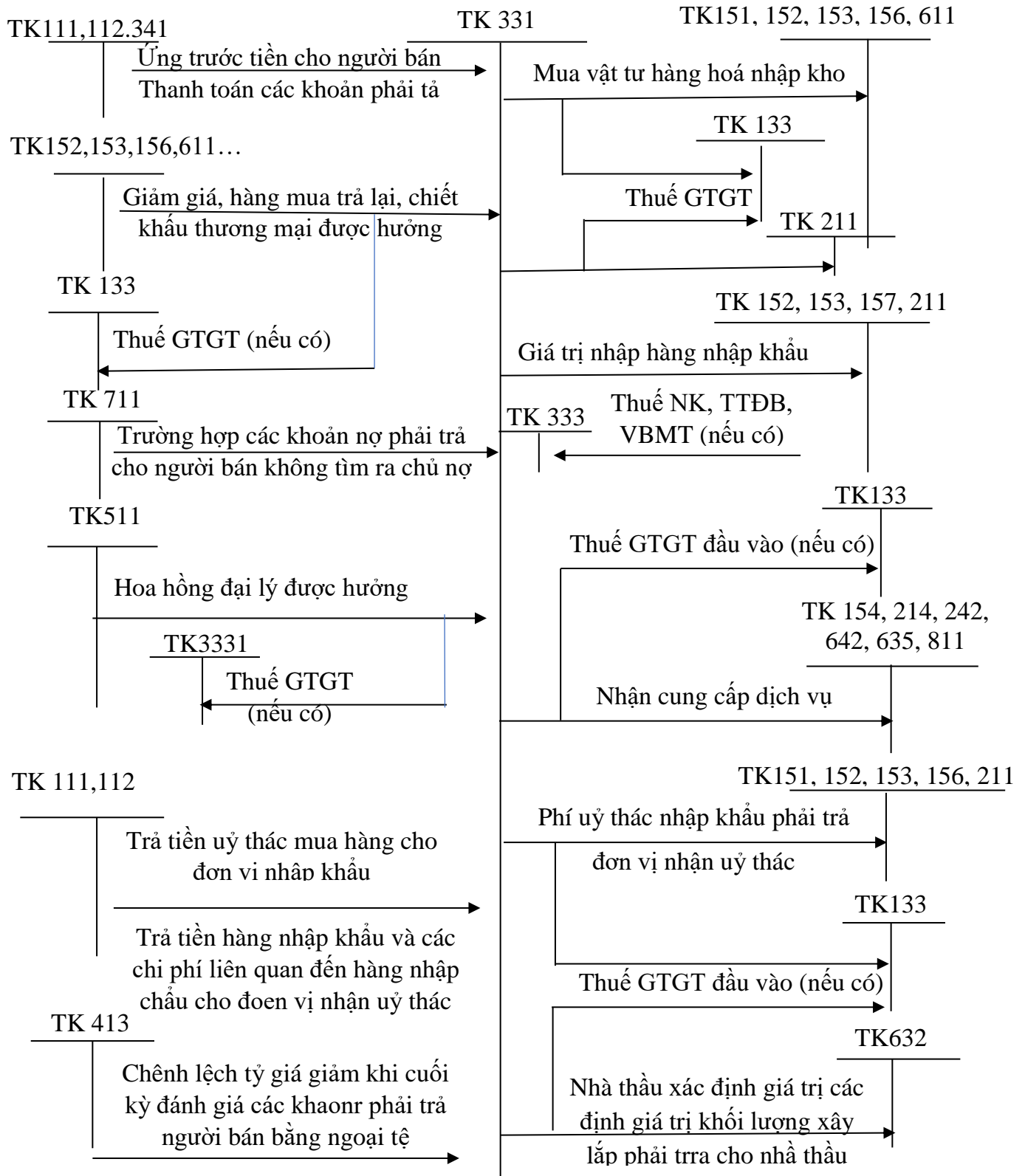
Có TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

+ Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái (tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam), ghi:

Nợ TK 413 – Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131)

Có TK 331 – Phải trả người bán.





Sơ đồ 1.2. Kế toán thanh toán với người bán

**1.5. Vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

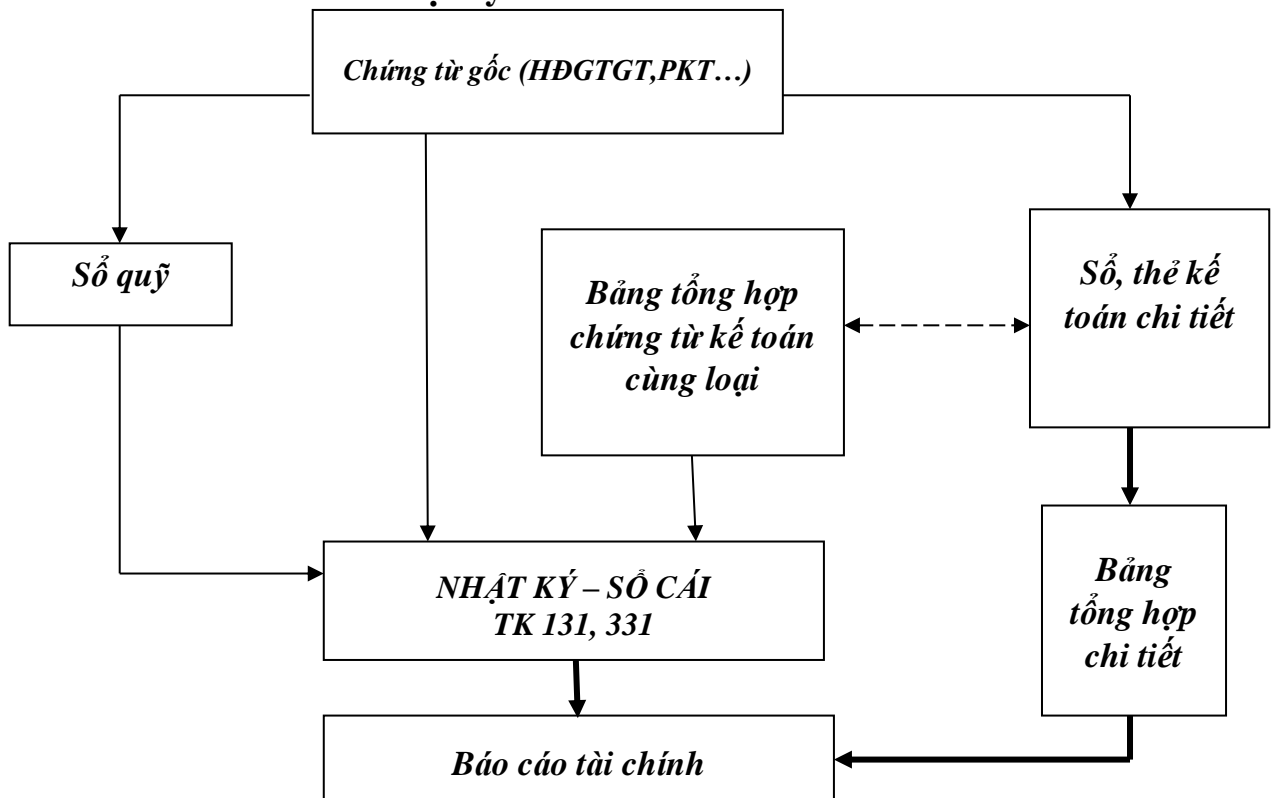
Theo quy định hiện hành, doanh nghiệp được tự xây dựng biểu mẫu sổ kế toán cho riêng mình nhưng phải đảm bảo cung cấp thông tin về giao dịch kinh tế một cách minh bạch, đầy đủ, dễ kiểm tra, dễ kiểm soát và dễ đối chiếu. Trường hợp không tự xây dựng biểu mẫu sổ kế toán, doanh nghiệp có thể áp dụng biểu mẫu sổ kế toán theo hướng dẫn tại phụ lục số 4 theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính.

Theo phụ lục doanh nghiệp có thể áp dụng một trong 4 hình thức sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung;
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ;
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái;
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.

Tùy theo hình thức kế toán doanh nghiệp áp dụng mà các nghiệp vụ liên quan đến bán hàng, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp được phản ánh trên các sổ kế toán phù hợp.

**1.5.1. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái**



**Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán hình thức Nhật ký- Sổ cái**

*Ghi chú:*

- Nhập ( ghi) hàng ngày —————→
- Nhập ( ghi) cuối tháng( hoặc định kỳ) —————→
- Đối chiếu, kiểm tra - - - - ->

*\*Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái*

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày. Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

*\*Về nguyên tắc*

Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký - Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

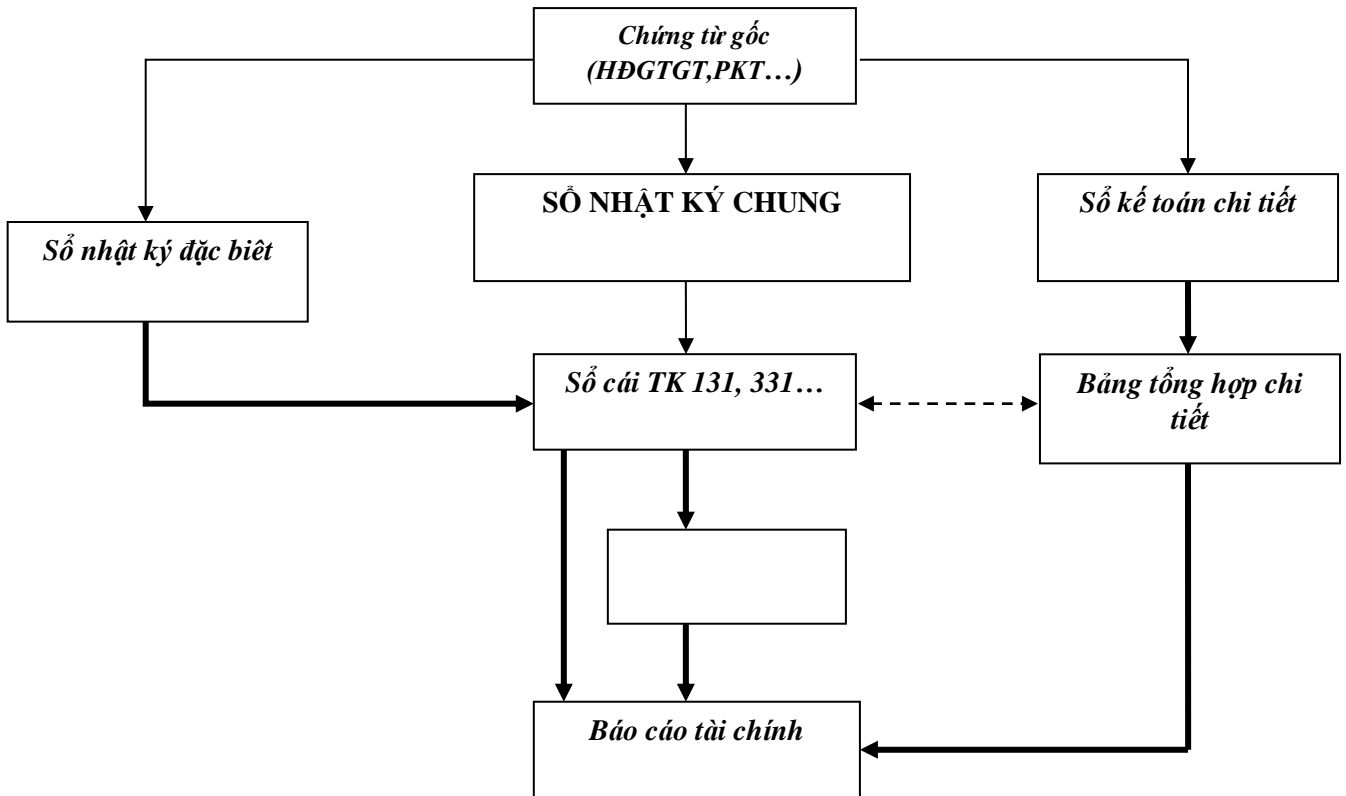
*Tổng số tiền "Phát sinh" ở phần Nhật Ký = Tổng số tiền phát sinh Nợ của tất cả các Tài khoản = Tổng số tiền phát sinh Có của các tài khoản*

*Tổng số dư Nợ các tài khoản = Tổng số dư Có các tài khoản*

Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khoá sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khoá sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

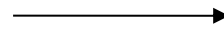
Số liệu trên Nhật ký - Sổ Cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khoá sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

### 1.5.2 Hình thức kế toán Nhật ký chung



*Ghi chú:*

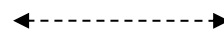
Nhập ( ghi) hàng ngày



Nhập ( ghi) cuối tháng( hoặc định kỳ)



Đối chiếu, kiểm tra



#### Sơ đồ 1.4 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

*\*Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung*

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

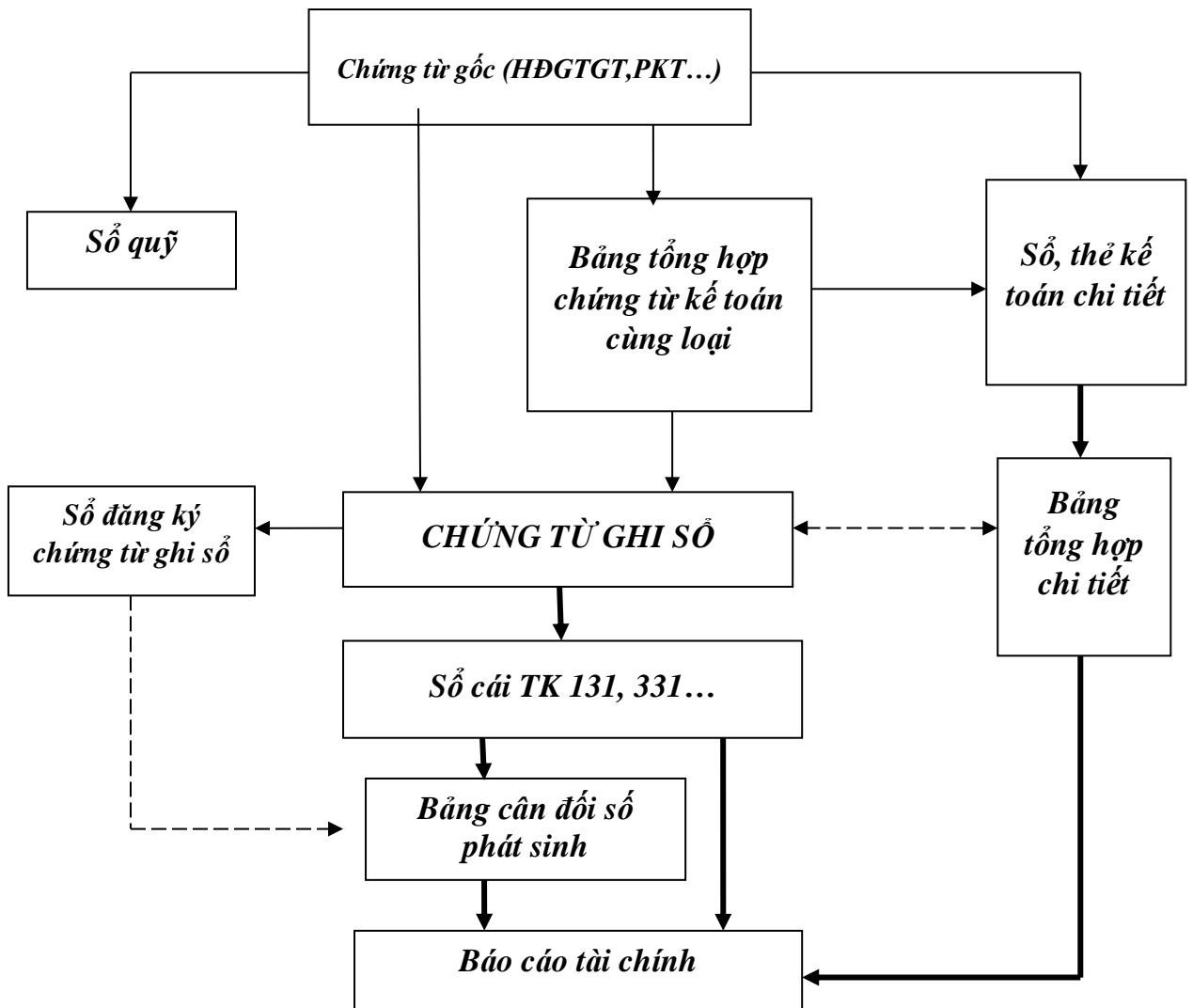
Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

*\*Về nguyên tắc*

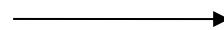
Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

**1.5.3 .Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**



*Ghi chú:*

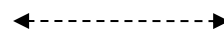
Nhập ( ghi) hàng ngày



Nhập ( ghi) cuối tháng( hoặc định kỳ)



Đối chiếu, kiểm tra



**Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ**

*\*Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ*

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số

phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

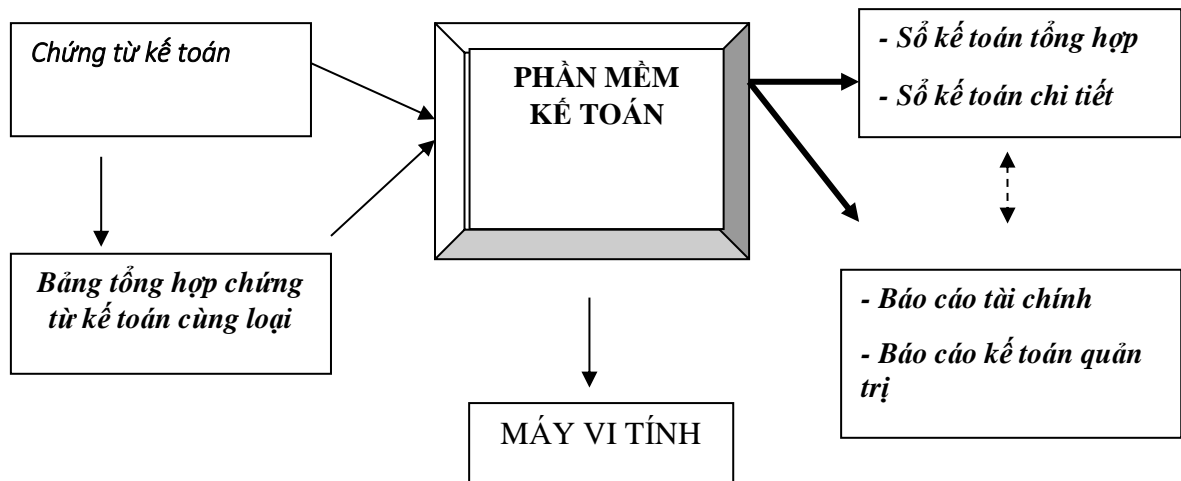
Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

*\*Về nguyên tắc*

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo:

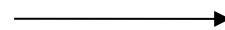
Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

#### 1.5.4. Kế toán trên máy vi tính



*Ghi chú:*

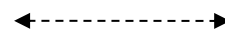
Nhập ( ghi) hàng ngày



Nhập ( ghi) cuối tháng ( hoặc định kỳ)



Đối chiếu, kiểm tra



#### **Sơ đồ 1.6 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy**

*\*Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính*

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.



---

## **CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH ĐẠI HỮU**

### **2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH Đại Hữu**

#### **2.1.1. Quá trình hình thành phát triển của Công ty TNHH Đại Hữu**

Công ty TNHH Đại Hữu được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận thành lập ngày 19 tháng 03 năm 2008.

Với tên quốc tế: DAI HUU COMPANY LIMITED.

Địa chỉ: Thôn Kiến Phong, xã Đồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Đại diện pháp luật: NGUYỄN THẾ HỮU

Mã số thuế: 0200793733

Điện thoại: 02253670305

Quản lý bởi: Chi cục thuế khu vực Hồng Bàng – An Dương

Loại hình DN: Công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên ngoài NN

Tình trạng: Đang hoạt động ( đã được cấp GCN ĐKT )

Ngành nghề kinh doanh chính: Buôn bán thiết bị điện

Trải qua hơn 12 năm xây dựng và phát triển, Công ty TNHH Đại Hữu đã và đang ngày càng khẳng định được vị thế của mình trong lĩnh vực buôn bán thiết bị điện và đã đạt được nhiều thành tựu và cột mốc quan trọng trong những năm qua.

Trong thời gian từ năm 2006 tới đầu năm 2008 : Công ty TNHH Đại Hữu mới chỉ là một đại lý bán buôn bán lẻ các thiết bị điện và đèn ngủ các loại. Khách hàng chủ yếu là người tiêu dùng. Đến tháng 3/2008, thành lập Công ty TNHH Đại Hữu, chuyển sang hoạt động kinh doanh có quy mô và chiến lược cụ thể.

Giai đoạn 2008 – 2010 : Công ty TNHH Đại Hữu chính thức đi vào hoạt động với tiêu chí thu hút khách hàng bằng uy tín, chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng.

Thời gian này, cũng gặp phải một số khó khăn trong việc tìm kiếm khách hàng cũng như việc tìm kiếm các đối tác và nhà cung cấp. Giai đoạn này, quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn đnag trong giai đoạn định vị thị trường, định vị sản phẩm và xây dựng hình ảnh Công ty. Tuy hoạt động ban đầu của Công ty còn gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn đạt mức doanh thu trung bình trên 10 tỷ/năm.

Giai đoạn 2011 – 2013 : Đây là thời kỳ Công ty áp dụng thành công phương án kinh doanh và chiến lược đề ra : Doanh thu tăng vượt bậc trên 30 tỷ đồng mỗi năm, với số lượng nhân viên trên 20 người.

Giai đoạn 2014 đến nay : Nhờ sự nỗ lực hết mình của ban giám đốc cũng như toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty TNHH Đại Hữu đã gặt hái được nhiều thành công.

Trong suốt quá trình hoạt động, không thể kể hết những khó khăn chông chênh cũng như những trở ngại không lường mà tập thể cán bộ công nhân viên Công ty phải vượt qua từ những ngày tháng khởi nghiệp, đổi lại đến nay công ty đã khẳng định được uy tín, vị thế, thương hiệu của mình trong lĩnh vực buôn bán thiết bị điện. Để tồn tại trên thị trường cạnh tranh đầy khốc liệt và đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường cũng như sự phát triển không ngừng của đất nước, Công ty đã xây dựng chiến lược riêng cho mình, trong đó trọng tâm là đầu tư vào nguồn nhân lực chất lượng cao, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên, Công ty đã không ngừng đổi mới và hoàn thiện. Qua đó, đã tạo được uy tín với các chủ đầu tư, đồng thời tạo được nền móng vững chắc để Công ty phát triển trong điều kiện mới.

Với phương châm “Coi con người là nhân tố trung tâm để quyết định thành công, phồn thịnh và phát triển bền vững”, vì vậy lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến đời sống của người lao động, bằng những việc làm cụ thể như mở rộng quy mô, đã dạng hóa loại hình kinh doanh góp phần tạo công ăn việc làm ổn định và tăng thu nhập cho cán bộ công nhân viên Công ty. Công ty đã tập trung được trí tuệ tập thể, sự nhiệt huyết, đoàn kết và phát triển một cách toàn diện.

Đất nước chuyển mình bước sang thời kì đổi mới đặt ra trước mắt Công ty nhiều cơ hội cũng như vô vàn thách thức, đòi hỏi Công ty phải nhanh chóng thay đổi công tác quản lý, tổ chức sản xuất theo hướng gọn nhẹ, năng động để thích nghi, tồn tại và phát triển trong cơ chế thị trường có sự cạnh tranh quyết liệt. Dầu biết rằng con đường trước mắt sẽ gặp nhiều khó khăn nhưng lãnh đạo và cán bộ Công nhân viên công ty TNHH Đại Hữu sẽ không ngừng vươn lên những đỉnh cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và quyết tâm thực hiện mục tiêu đã đề ra để thành lập một tập đoàn vững mạnh.

### **2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Đại Hữu**

Công ty đăng ký nhiều ngành nghề kinh doanh trên các lĩnh vực sau:

- Lĩnh vực sản xuất:
- + Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản

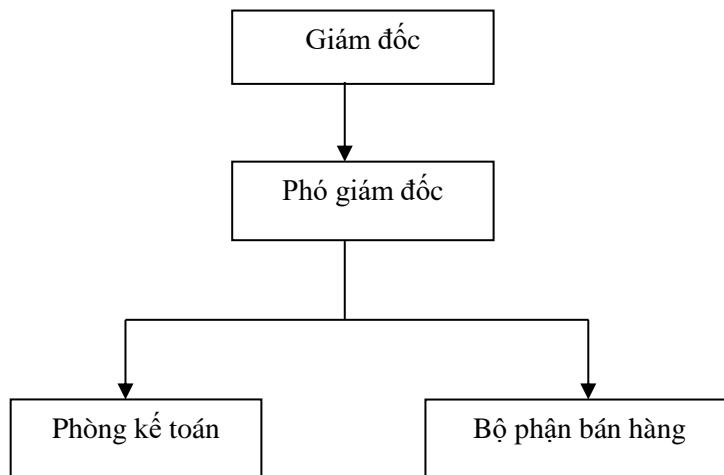
- + May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)
- + Sản xuất sản phẩm từ da lông thú
- + Sản xuất giày dép
- + Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
- + Sản xuất pin và ắc quy
- + Xây dựng nhà các loại
- + Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
- Lĩnh vực thương mại:
  - + Bán buôn đồ uống
  - + Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
  - + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
  - + Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Lĩnh vực dịch vụ:
  - + Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
  - + Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.
  - + Hoạt động tư vấn quản lý.

---

Trong đó lĩnh vực kinh doanh chính là hoạt động thương mại, ngành nghề kinh doanh chính của công ty Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

- Thị trường chủ yếu của Công ty là trường Hải Phòng. Tại thị trường Hải Phòng Công ty chuyên cung cấp máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; Thiết bị thuỷ lực, máy nén khí, máy cơ khí, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, thiết bị bảo hộ lao động...với số lượng lớn chủ yếu là cho các công ty và các cửa hàng kinh doanh.

**2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Đại Hữu**



**Sơ đồ 2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Đại Hữu**

**\* Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban ban:**

- *Giám đốc Công ty:* Là chủ thể quản lý doanh nghiệp theo chế độ một Thủ trưởng, nên có quyền quyết định mọi điều hành hoạt động của công ty, theo đúng kế hoạch, chính sách pháp luật của nhà nước. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Nhà nước và tập thể lao động về kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Trong trường hợp vắng mặt thì giám đốc được phép uỷ quyền cho phó giám đốc.

- *Phó giám đốc:* Là người phụ trách công việc nội chính trong công ty như tổ chức, đối nội..... và là cộng sự tích cực và là cán bộ kế cận của giám đốc, có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ do giám đốc phân công, chịu trách nhiệm trước giám đốc về những nhiệm vụ được giao, chủ động giải quyết các tình huống phát sinh ; bàn bạc đề bạt với giám đốc về những biện pháp quản lý, xử lý nghiệp vụ, nhằm nâng cao hiệu quả và hiệu lực quản lý trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

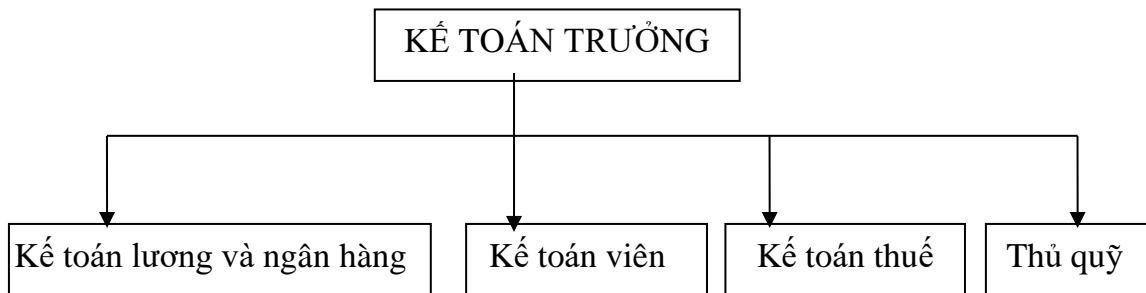
- *Phòng kế toán:* Là bộ phận tham mưu cho Ban giám đốc công ty về nghiệp vụ, tài chính kế toán, tổ chức hạch toán theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quá trình luân chuyển vốn, phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty đạt hiệu quả kinh tế cao, đồng thời bảo toàn và phát triển vốn cho Công ty.

- *Bộ phận bán hàng:* là tổng thể đội ngũ lao động trực tiếp của doanh nghiệp liên quan đến việc chào hàng, cung ứng hàng hoá và dịch vụ , phục vụ và chăm sóc khách hàng của một doanh nghiệp. Hoạt động bán hàng là một tập hợp

các hoạt động và quy trình kinh doanh giúp một tổ chức bán hàng hoạt động hiệu quả, hiệu quả và hỗ trợ các chiến lược và mục tiêu kinh doanh. Các hoạt động bán hàng cũng có thể được gọi là bán hàng, hỗ trợ bán hàng hoặc hoạt động kinh doanh.

#### 2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Đại Hữu

##### 2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Đại Hữu



#### Sơ đồ 2.2. Cơ cấu bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Đại Hữu.

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính – kế toán)

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Các nghiệp vụ kế toán chính phát sinh được tập trung ở phòng kế toán của Công ty, thuộc dãy nhà văn phòng. Tại đây thực hiện việc tổ chức và hướng dẫn kiểm tra thực hiện toàn bộ phương pháp thu thập xử lý thông tin ban đầu, thực hiện đầy đủ chiến lược ghi chép ban đầu, chế độ hạch toán và chế độ quản lý tài chính theo đúng quy định của Bộ tài chính, cung cấp một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời những thông tin toàn cảnh về tình hình tài chính của Công ty. Từ đó tham mưu cho giám đốc để đề

*Chức năng của từng bộ phận.*

**Kế toán trưởng:** Phụ trách bao quát toàn bộ vấn đề của công ty, kiểm tra sổ sách số liệu của các bộ phận nhỏ, lập báo cáo tài chính, hạch toán doanh thu lỗ lãi.

**Thủ quỹ:** Chịu trách nhiệm các khoản thu chi trong doanh nghiệp

**Kế toán tiền lương, ngân hàng:** Theo dõi chăm công việc đi làm của nhân viên văn phòng và số lượng người lên xuống của các tàu, trả lương cho người lao động trong công ty. Chịu trách nhiệm các nghiệp vụ liên quan tới ngân hàng.

**Kế toán thuế:** Là người phụ trách các hóa đơn chứng từ liên quan tới thuế đầu vào, đầu ra, chịu trách nhiệm nộp tờ khai cho cơ quan thuế.

**Kế toán viên:** Là người chịu trách nhiệm toàn bộ về các chứng từ kế toán của công ty. Lập phiếu thu, chi vào sổ sách chứng từ liên quan.

2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Đại Hữu

- Chế độ kế toán công ty áp dụng: Công ty áp dụng theo Ban hành theo TT133/2016/TT- BTC, ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC

- Niên độ kế toán: Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- Kỳ kế toán: năm

- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam.

- Phương pháp hạch toán HTK: kê khai thường xuyên

- Phương pháp hạch toán chi tiết HTK: thẻ song song

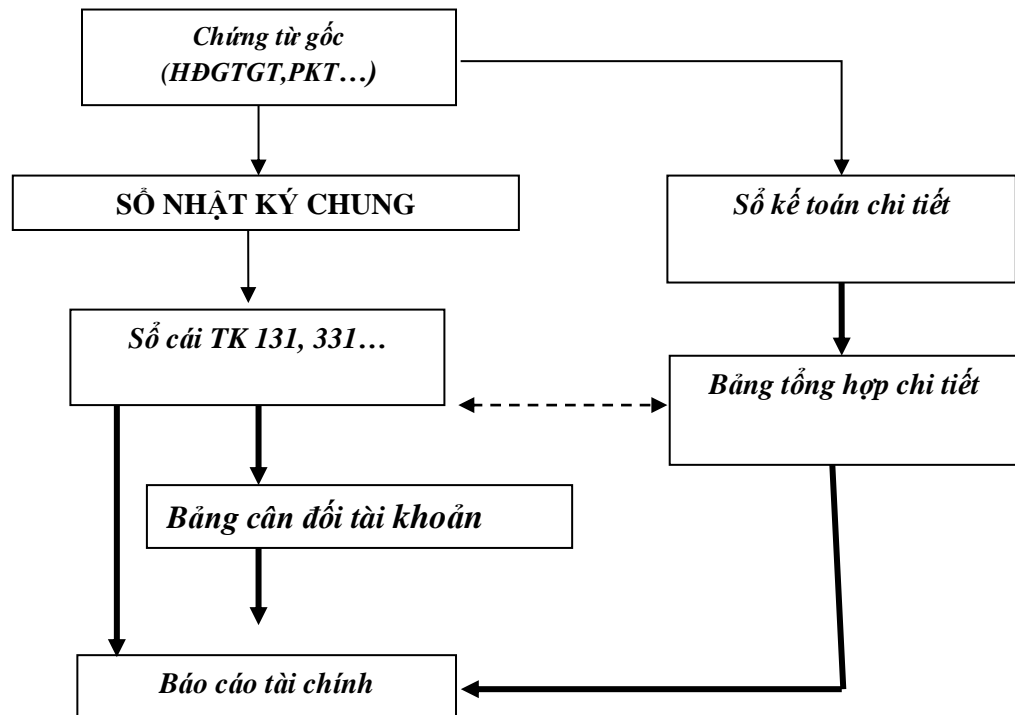
- Phương pháp tính giá hàng xuất kho: tính giá hàng xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Áp dụng theo phương pháp khấu trừ

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng.

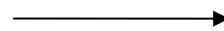
2.1.4.3. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Đại Hữu

- Hình thức kế toán: nhật ký chung



Ghi chú:

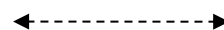
Nhập ( ghi) hàng ngày



Nhập ( ghi) cuối tháng( hoặc định kỳ)



Đối chiếu, kiểm tra



Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

(Nguồn: tại phòng kế toán )

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

#### *2.1.4.4. Tổ chức lập và phân tích báo cáo kế toán tại Công ty TNHH Đại Hữu.*

Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp được lập vào cuối năm tài chính bao gồm:

- Bảng cân đối số phát sinh.
- Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu B01a-DNN)
- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu B02-DNN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu B03-DNN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu B09-DNN)

Ngoài ra công ty còn lập các báo cáo kế toán khác theo yêu cầu của Nhà nước như báo cáo thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp.. và theo yêu cầu quản trị của doanh nghiệp như: Báo cáo tình hình công nợ, Báo cáo chi phí quản lý kinh doanh...

## **2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Đại Hữu**

### **2.2.1. Đặc điểm về phương thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Đại Hữu**

Các phương thức thanh toán là yếu tố quan trọng trong quan hệ thanh toán của doanh nghiệp với tất cả các đối tượng và được thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng kinh tế. Các phương thức thanh toán hiện nay rất đa dạng và phong phú. Tại Công ty TNHH Đại Hữu có hai phương thức thanh toán, Cụ thể:

Công ty TNHH Đại Hữu áp dụng 2 hình thức thanh toán là bằng tiền mặt và chuyển khoản.

- Các khoản phải thu với khách hàng có thể áp dụng hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng do thỏa thuận giữa hai bên không căn cứ vào giá trị hợp đồng.

- Các khoản thanh toán cho người bán có giá trị hợp đồng từ 20.000.000 đồng trở lên thì doanh nghiệp bắt buộc phải thanh toán bằng hình thức chuyển khoản. Đối với hợp đồng có giá trị dưới 20.000.000 đồng doanh nghiệp có thể chuyển khoản hoặc thanh toán bằng tiền mặt tùy theo thỏa thuận giữa hai bên.

- Ngoài ra, là một doanh nghiệp có hoạt động buôn bán nên nên khi ký hợp đồng với khách hàng công ty sẽ được ứng trước một phần giá trị hợp đồng để cung cấp hàng hóa, thiết bị ứng trước do hai bên thỏa thuận với nhau. Khi hợp đồng bàn giao nghiệp vụ công ty sẽ viết hóa đơn cho khách hàng và làm thủ tục thanh toán.

### **2.2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Đại Hữu**

#### **\* Chứng từ sử dụng**

- Hợp đồng mua bán hàng hóa
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Biên bản kiểm kê
- Phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan

#### **\* Tài khoản sử dụng**

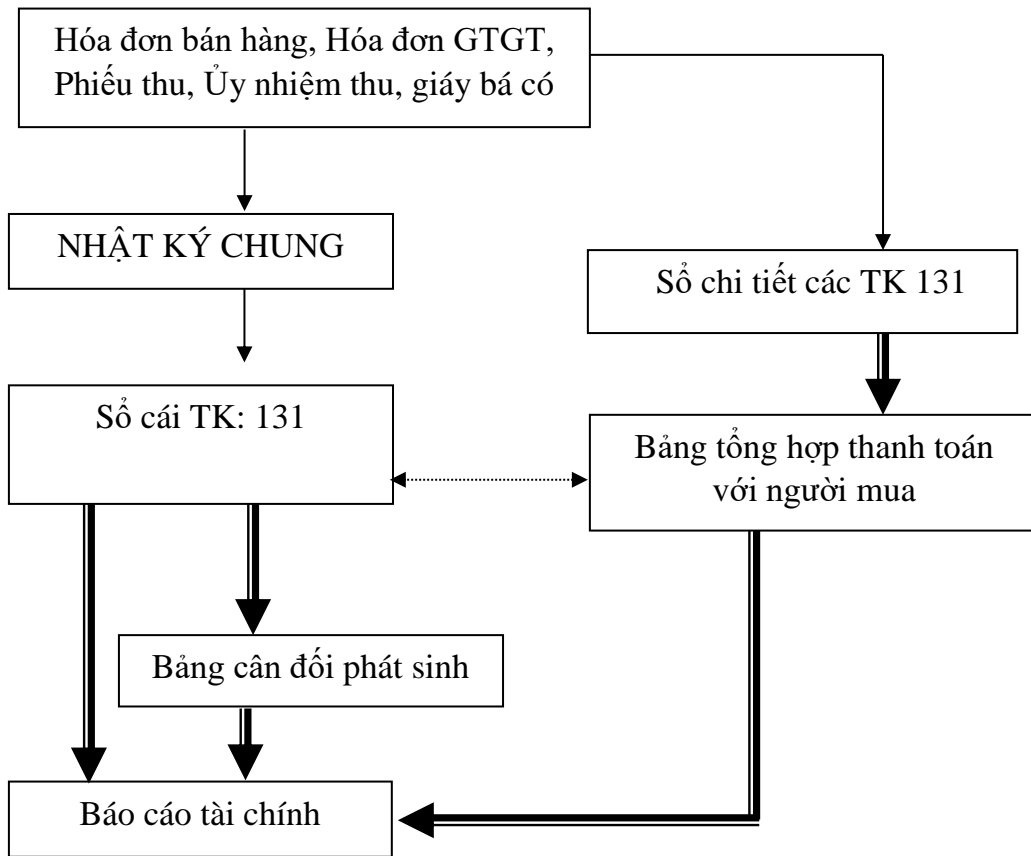
- Tài khoản: Phải thu của khách hàng. Tài khoản 131 được công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải thu phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu với khách hàng. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty sẽ mở chi tiết để theo dõi cho từng đối tượng

#### **\* Sổ sách sử dụng**

- Sổ chi tiết thanh toán với người mua
- Bảng tổng hợp thanh toán với người mua
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ Đăng ký chứng từ
- Sổ cái TK 131 và các tài khoản khác có liên quan

#### **\* Quy trình hạch toán**





Ghi chú:

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi định kỳ  $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu  $\longleftrightarrow$

### Sơ đồ 2.4 Trình tự luân chuyển kế toán thanh toán với người mua

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính – kế toán)

#### \* Một số nghiệp vụ:

**Ví dụ 1:** Ngày 05/4/2021 Công ty ký hợp đồng mua bán với công ty TNHH công nghệ và thương mại Tấn Phát là giá trị là 122.320.000 đồng. Công ty TNHH công nghệ và thương mại Tấn Phát đã tạm ứng 50% giá trị hợp đồng với số tiền là: 61.160.000 đồng.

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế, giấy báo có hàng ngày kế toán ghi sổ Nhật ký chung kế toán, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 331, sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào sổ nhật ký chung kế toán ghi cái TK 131, sổ cái TK 112. Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng.

**Biểu số 2.1: Hợp đồng kinh tế**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

**Số: 22/HĐ/2021/ĐH-TP**

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội ban hành ngày 14/06/2005;

Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên tham gia ký kết hợp đồng;

Hôm nay, ngày 05 tháng 04 năm 2021 tại Công ty TNHH Đại Hữu

**BÊN A (Bên bán): Công ty TNHH Đại Hữu**

Đại diện bởi : **Ông NGUYỄN THẾ HỮU**

Địa chỉ : Thôn Kiến Phong, xã Đồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng

Mã số thuế : 0200793733

Điện thoại : 02253670305

Tài khoản : 9527.1.1053629 Tại Ngân hàng Công thương Việt Nam

**BÊN B (Bên mua): CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI TẤN PHÁT**

Đại diện bởi : Ông Trần Việt Cường Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ : Số 14/17, Ngõ Giếng, Phố Đông Các, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

Mã số thuế : 0105898038

Điện thoại : 024.35135419; Fax: 024.35135419

Tài khoản số : 12010006022538 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1, Hà Nội

*Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:*

**ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG**

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 hợp đồng kèm theo.

**ĐIỀU 2. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cầu dao tép2P 50A	Cái	250	235.000	58.750.000
2	Dao tép 2P 63A	Cái	120	235.000	28.200.000
3	Công tắc E đôi	Cái	500	48.500	24.250.000
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>111.200.000</b>
<b>Thuế GTGT:10 % Tiền thuế GTGT:</b>					<b>11.120.000</b>
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>					<b>122.320.000</b>

**ĐIỀU 3. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định của hợp đồng.

**ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B**

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa, dịch vụ như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

**ĐIỀU 5. GIÁ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

1. Giá trị hợp đồng: **122.320.000 VND**. Đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí và các chi phí liên quan để Bên B hoàn thành các công việc theo thỏa thuận của Hợp đồng.

2. Phương thức thanh toán:

+ Phương thức thanh toán: Chuyển khoản bằng đồng tiền Việt Nam.

+ Tiến độ thanh toán: Việc thanh toán được thực hiện như sau:

Sau khi ký hợp đồng, Bên B cung cấp cho bên A sẽ tạm ứng 50% giá trị hợp đồng, 50% giá trị hợp đồng sau khi hợp đồng sau Bên A giao hàng đến kho Bên B và xuất trình đủ các tài liệu thanh toán sau:

- + Hóa đơn (theo quy định của pháp luật) + Biên bản giao nhận hàng hóa;
- + Các Biên bản nghiệm thu cho tất cả hàng hóa của hợp đồng được hai bên kiểm tra và ký khi hàng hóa đạt yêu cầu về số lượng và chất lượng;

**ĐIỀU 6. LOẠI HỢP ĐỒNG:** Hợp đồng trọn gói.

**ĐIỀU 7. THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng **60 ngày** (không bao gồm Thứ 7, Chủ nhật và ngày nghỉ lễ) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

**ĐIỀU 8. HIỆU CHỈNH, BỔ SUNG HỢP ĐỒNG**

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Do thay đổi phạm vi công việc theo yêu cầu của Bên A ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.

- Do ảnh hưởng của bão, lũ lụt, động đất, song thần, hỏa hạn hoặc các sự kiện bất khả kháng khác.

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

**ĐIỀU 9. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

**ĐIỀU 11. TÍNH HỢP LỆ CỦA HÀNG HÓA**

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới 100%, chưa qua sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo.

2. Bên B phải chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa cung cấp.

**ĐIỀU 12. BẢO HÀNH**

- Thời hạn bảo hành: 12 tháng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

- Chi phí bảo hành: Mọi chi phí phát sinh cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật của hàng hóa trong thời gian bảo hành do Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- Chế độ bảo hành:

- Khắc phục sự cố của thiết bị xảy ra theo đúng như quy trình bảo hành đã cam kết và công bố.
- Bên B phải chịu mọi chi phí trong quá trình thực hiện bảo hành.

### **ĐIỀU 13. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành ký biên bản nghiệm thu hợp đồng, Biên bản thanh lý hợp đồng và bên A thanh toán giá trị hợp đồng cho bên B.

Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 01 (một) bản, bên B giữ 01 (một) bản để thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**Biểu số 2.2: Giấy báo có**

**GIẤY BÁO CÓ**

Người nộp tiền: <b>CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI TẤN PHÁT</b>		Số GD: 83		
Địa chỉ: : Số 14/17, Ngõ Giếng, Phố Đông Các, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP Hà Nội		Ngày: 05/4/2021		
Lý do: Tạm ứng tiền hàng theo hợp đồng số 22/HĐ/2021/ĐH-TP		Tài khoản: 1121		
Số tiền: 61.160.000		Loại tiền: VND		
Số tiền bằng chữ: <i>Sáu mươi một triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng</i>				
<b>Diễn giải</b>	<b>Số tiền nguyên tệ (VND)</b>	<b>Số tiền (VND)</b>	<b>Ghi Nợ</b>	<b>Ghi Có</b>
Tạm ứng tiền hàng theo hợp đồng số 22/HĐ/2021/ĐH-TP		61.160.000	1121	131

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

(Nguồn trích dẫn: Phòng kế toán)

**Ví dụ 2** : Ngày 09/05/2021, bán thiết bị điện cho công ty Vũ Nhật Minh, tổng tiền thanh toán ( VAT 10%) là 29.412.350 đồng.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001002 và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi sổ chi tiết TK 131, sổ chi tiết TK 511. Căn cứ vào số liệu đã ghi sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 131, sổ cái TK 511, sổ cái TK 333. Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng

**Biểu số 2.3: Hoá đơn Giá trị gia tăng**

<b>HOÁ ĐƠN</b>		<b>Mẫu số:01GTKT/003</b>			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		<b>Kí hiệu: AA/21P</b>			
Liên 3: Nội bộ		<b>Số: 0000979</b>			
Ngày 09 tháng 5 năm 2021					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH ĐẠI HỮU					
Địa chỉ: Thôn Kiến Phong, Xã Đông Thái, Huyện An Dương, Thành Phố Hải Phòng					
Số tài khoản: 2112211003234 tại Nông nghiệp và PTNT - CN Đông Hải Phòng					
Mã số thuế (Tax Code): 0 2 0 0 7 9 3 7 3 3					
Điện thoại:		MST: 02253670305			
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Vũ Nhật Minh					
Địa chỉ: Số 21B/9/33 Kỳ Đồng, Phường Quang Trung, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng					
Số tài khoản: 2304202001458					
Hình thức thanh toán: TM/CK		MST: 0201642014			
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
01	Ổ cắm lioa 3ĐN 5m	chiếc	1.000	19.420	19.420.000
02	Dây điện CVV 2 x 4	chiếc	410	17.850	7.318.500
Cộng tiền hàng:					<b>26.738.500</b>
Thuế GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT					<b>2.673.850</b>
Tổng cộng tiền thanh toán:					<b>29.412.350</b>
Số tiền viết bằng chữ : Hai mươi chín triệu bốn trăm mười hai ngàn ba trăm năm mươi đồng./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Nguồn: Phòng kế toán)					



**Ví dụ 3 :** Ngày 28/8/2021, Công ty bàn giao công ty TNHH công nghệ và thương mại Tấn Phát theo hợp đồng 22/HĐ/2022/ĐH-TP. Giá trị là 122.320.000 đồng.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001002 và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi sổ chi tiết TK 131, sổ chi tiết TK 511. Căn cứ vào số liệu đã ghi sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 131, sổ cái TK 511, sổ cái TK 333. Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng

**Biểu số 2.5: Hoá đơn Giá trị gia tăng**

<b>HOÁ ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> Liên 3: Nội bộ Ngày 28 tháng 8 năm 2021	<b>Mã số: 01GTKT/003</b> <b>Kí hiệu: AA/21P</b> <b>Số: 0001002</b>				
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH ĐẠI HỮU Địa chỉ: Thôn Kiến Phong, Xã Đông Thái, Huyện An Dương, Thành Phố Hải Phòng Số tài khoản: 2112211003234 tại Nông nghiệp và PTNT - CN Đông Hải Phòng Mã số thuế: 0 2 0 0 7 9 3 7 3 3 Điện thoại: MST: 02253670305					
Họ tên người mua hàng: ..... Tên đơn vị: công ty TNHH công nghệ và thương mại Tấn Phát Địa chỉ: Số 14/17, Ngõ Giếng, Phố Đông Các, Phường Ô Chợ Dừa, Đống Đa, TP Hà Nội Số tài khoản: 2304202001458 Điện thoại : 024.35135419; Fax: 024.35135419 Hình thức thanh toán: TM/CK MST: 010589803					
<b>STT</b>	<b>Tên hàng hoá, dịch vụ</b>	<b>Đơn vị Tính</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>
A	B	C	1	2	3=1x2
01	Cầu dao tép 2P 50A	Cái	250	235.000	58.750.000
02	Dao tép 2P 63A	Cái	120	235.000	28.200.000
03	Công tắc E đôi	Cái	500	48.500	24.250.000
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>111.200.000</b>
<b>Thuế GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT</b>					<b>11.120.000</b>
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>					<b>122.320.000</b>
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một trăm hai mươi hai triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./.</i>					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
<i>(Nguồn: Phòng kế toán)</i>					

**Biểu số 2.6. sổ chi tiết thanh toán với người mua**

**Đơn vị:** Đơn vị: Công ty TNHH Đại Hữu.

**Địa chỉ:** Kiến Phong, Đồng Thái, An Dương, Hải Phòng.

**Mẫu số S12-DNN**

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)**

(Dùng cho TK: 131, 331)

Năm 2021

Tài khoản: 1311

**Đối tượng: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI TẤN PHÁT**

*Loại tiền: VND*

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			- Số dư đầu kỳ			0		0	
			- Số phát sinh trong kỳ						
05/4	GBC83	05/4	Công ty Tấn Phát tạm ứng tiền hàng	112			61.160.000		61.160.000
28/8	HĐ1002	28/8	Công ty bàn giao và thanh lý HĐ02 với Công ty Tấn Phát	511		111.200.000		50.040.000	
				3331		11.120.000		61.160.000	
			<b>- Cộng số phát sinh</b>			<b>122.320.000</b>	<b>61.160.000</b>		
			- Số dư cuối kỳ					<b>61.160.000</b>	

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

**Biểu số 2.7. sổ chi tiết thanh toán với người mua**

**Đơn vị:** Đơn vị: Công ty TNHH Đại Hữu.

**Địa chỉ:** Kiến Phong, Đồng Thái, An Dương, Hải Phòng.

**Mẫu số S12-DNN**

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)**

(Dùng cho TK: 131, 331)

Năm 2021

Tài khoản: 1312

**Đối tượng:** Công ty TNHH Vũ Nhật Minh

*Loại tiền: VNĐ*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			- Số dư đầu kỳ					16.985.000	
			- Số phát sinh trong kỳ						
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
09/4	HĐ 979	09/4	Bán hàng chưa thu tiền	511		26.738.500		26.738.500	
				3331		2.673.850		29.412.350	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	...
			- Cộng số phát sinh			59.412.350	38.150.000		
			- Số dư cuối kỳ					38.247.350	

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

**Biểu số 2.9. sổ chi tiết thanh toán với người mua**

**Đơn vị:** Đơn vị: Công ty TNHH Đại Hữu.

**Địa chỉ:** Kiến Phong, Đồng Thái, An Dương, Hải Phòng.

**Mẫu số S12-DNN**

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

**BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

Năm 2021

Tài khoản: 131

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...	...
05	Công ty TNHH công nghệ và thương mại Tấn Phát			122.320.000	61.160.000	61.160.000	
...	...	...	...	...	...	...	...
07	Công ty TNHH Vũ Nhật Minh	16.985.000		59.412.350	38.150.000	38.247.350	
...	...	...	...	...	...	...	...
...	...	...	...	...	...	...	...
	<b>Cộng</b>	<b>2.469.377.491</b>	<b>550.000.000</b>	<b>10.553.441.422</b>	<b>10.001.828.312</b>	<b>2.720.990.601</b>	<b>250.000.000</b>

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Căn cứ vào bảng hợp đồng, hóa đơn GTGT, giấy báo Nợ, phiếu chi... và kế toán vào sổ nhật ký chung

**Bảng 2.10: Trích sổ nhật ký chung**

**Đơn vị:** Đơn vị: Công ty TNHH Đại Hữu.

**Mẫu số:** S03a-DNN

**Địa chỉ:** Kiến Phong, Đồng Thái, An Dương, Hải Phòng.

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2021

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có
			...			
05/4	GB C83	05/4	Công ty Tấn Phát tạm ứng tiền hàng	112	61.160.000	
				131		61.160.000
			...			
09/5	HĐ 979	09/5	Bán hàng cho công ty Vũ Nhật Minh chưa thu tiền	131	29.412.350	
				511		26.738.500
				3331		2.673.850
			...			
28/8	HĐ 1002	28/8	Công ty bàn giao và thanh lý HĐ 22/HĐ/2021/Đ H-TP với Công ty Tấn Phát	131	122.320.000	
				511		111.200.000
				3331		11.120.000
			...			
<b>Cộng số phát sinh</b>					<b>112.783.044.008</b>	<b>112.783.044.008</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Căn cứ vào kế toán vào sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 131

**Bảng 2.11: Trích sổ cái TK 131**

**Đơn vị:** Đơn vị: Công ty TNHH Đại Hữu.

**Địa chỉ:** Kiến Phong, Đồng Thái, An Dương, Hải Phòng.

**Mẫu số:** S02b - DNN

(Ban hành theo TT133/2016/TT- BTC  
Ngày 16/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Năm 2021**

Số hiệu tài khoản : 131

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

**Đơn vị tính: VNĐ**

Ngày Tháng Ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Nợ	Có
	Số hiệu	Ngày tháng				
1	2	3	4	6	7	8
			<b>Số dư đầu kỳ</b>		<b>1.919.377.491</b>	
05/4	GBC83	05/4	Công ty Tấn Phát tạm ứng tiền hàng	112		61.160.000
			...			
09/4	HĐ 979	09/4	Bán hàng chưa thu tiền	511	26.738.500	
				3331	2.673.850	
			...			
28/4	HĐ987	28/4	Công ty bàn giao và thanh lý HĐ 22/HĐ/2021/ĐH- TP với Công ty Tấn Phát	511	111.200.000	
				3331	11.120.000	
...	...	...	...	...	...	...
<b>Cộng số phát sinh</b>					<b>10.553.441.422</b>	<b>10.001.828.312</b>
<b>Số dư cuối kỳ</b>					<b>2.470.990.601</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu

(Ký. họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký. họ tên)

Giám đốc

(Ký. họ tên. đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

### 2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH Đại Hữu

**\* Chứng từ để sử dụng thanh toán với người bán gồm:**

- Hợp đồng mua bán
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Giấy báo nợ của ngân hàng, ủy nhiệm chi
- Phiếu chi
- Giấy đề nghị thanh toán
- Các chứng từ liên quan khác.

**\* Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 331 – Phải trả người bán.

Tài khoản này được công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải trả người bán có phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty đã mở sổ chi tiết để theo dõi từng đối tượng.

Ngoài ra công ty còn sử dụng các tài khoản:

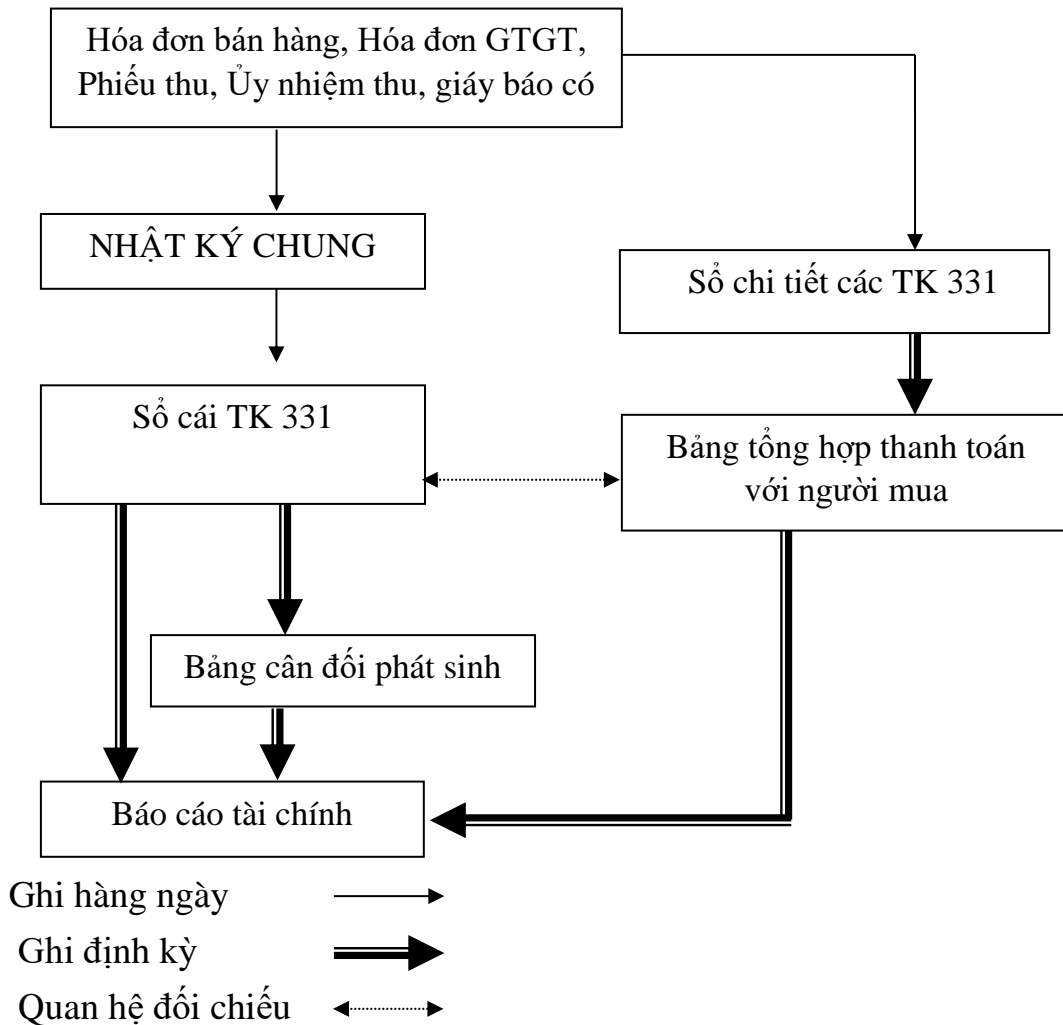
- TK 331 : Phải trả người bán
- TK 156 : Hàng hóa
- TK 133 : Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

**\* Sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán:**

- Chứng từ ghi sổ số 32, 33
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ chi tiết phải trả người bán
- Sổ tổng hợp chi tiết phải trả người bán
- Sổ cái TK 331 và các tài khoản có liên quan.

**\* Quy trình hạch toán**





**Sơ đồ 2.5 Trình tự luân chuyển kế toán thanh toán với người bán**

(Nguồn số liệu: Phòng tài chính – kế toán)

**Một số nghiệp vụ:**

**Ví dụ 1:** Ngày 06 tháng 4 năm 2021 Công ty mua hàng hóa nhập kho chưa thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Việt Mỹ, số tiền 73.260.000 đồng (bao gồm VAT 10%).

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 0005782 và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời kế toán ghi sổ chi tiết phải trả người bán TK 331. Căn cứ vào sổ nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 331, TK 156, TK133 Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán

**Biểu số 2.12: Hoá đơn Giá trị gia tăng**

<b>HOÁ ĐƠN</b>		<b>Mẫu số: 01GTKT/001</b>			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		<b>Kí hiệu: MV/20P</b>			
Liên 2: Giao khách hàng		<b>Số: 0005782</b>			
Ngày 06 tháng 4 năm 2021					
Đơn vị bán hàng (Issuer): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIỆT MỸ					
Địa chỉ (Address): Số 169, Phố Hàng Bông, Phường Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội					
Mã số thuế (VAT code):: 0100236062					
Số tài khoản (Account number)					
Họ tên người mua hàng: .....					
Tên đơn vị (Company's name): Công ty TNHH Đại Hữu					
Địa chỉ (Address): Thôn Kiến Phong - Xã Đồng Thái - Huyện An Dương - Thành Phố Hải Phòng					
Số tài khoản: 2304202001458					
Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK					
Mã số thuế (Tax code): 0200793733					
STT (No.)	Tên hàng hóa dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Bình nước nóng Olympic	Chiếc	60	1.110.000	66.600.000
	Cộng tiền hàng:				66.600.000
	Thuế GTGT: 10%				6.660.000
	Tổng Cộng tiền thanh toán:				73.260.000
Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi ba triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Nguồn: Phòng kế toán)</i>					

**Biểu số 2.13. Phiếu nhập kho số 69**

Đơn vị: Công ty TNHH Đại Hữu.  
Địa chỉ: Kiến Phong –Đông Thái – An Dương – Hải Phòng.

Mẫu số: 02-VT  
(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC  
Ngày 26/8/2016 của bộ trưởng bộ tài chính)

**PHIẾU NHẬP KHO**  
Ngày 06 tháng 4 năm 2021

Số: 69

Nợ: 156

Có: 331

Họ và tên người nhận hàng: Phạm Thị Loam

Địa chỉ: Thôn Kiến Phong - Xã Đông Thái - Huyện An Dương - Hải Phòng

Lý do nhập kho: Nhập kho hàng hóa

Xuất tại kho: 01

Đơn vị tính:

VNĐ

S T T	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm hàng hoá	Mã số	VT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1.	Bình nước nóng Olympic		Chiếc	60	60	1.110.000	66.600.000
	<b>Cộng</b>						<b>66.600.000</b>

Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Sáu mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 06 tháng 4 năm 2021

Người lập      Người giao hàng      Thủ kho      Kế toán trưởng      Giám đốc  
(ký, họ tên)      (ký, họ tên)      (ký, họ tên)      (ký, họ tên)      (ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích dẫn: Phòng kế toán)

**Ví dụ 2:** Ngày 16/7/2021. Công ty ứng trước tiền theo hợp đồng cho Công ty cổ phần cơ điện Hải Phòng với số tiền 10.000.000 đồng, bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hợp đồng số 38, phiếu chi và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời kế toán ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331. Căn cứ vào sổ nhật ký chung kế toán sổ kế toán vào cái TK 331, TK 156, TK133 Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán

**Biểu số 2.14. Hợp đồng kinh tế**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

**Số: 38/HĐ/2021/CĐHP-DH**

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11do Quốc hội ban hành ngày 14/06/2005;

Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên tham gia ký kết hợp đồng;

Hôm nay, ngày 18 tháng 09 năm 2021 tại Công ty cổ phần cơ điện Hải Phòng

**BÊN A (Bên bán): CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN HẢI PHÒNG**

Đại diện: Ông Vũ Đức Kiên Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Số nhà LK2-29 khu Golden Land Hoàng Huy, Xã An Đông, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Mã số thuế: 0201143914

Mã ngân hàng : 01310001

Số tài khoản : 13722602759010

Tại: Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam – chi nhánh Sở giao dịch Hai Bà Trưng

**BÊN B (Bên mua): Công ty TNHH Đại Hữu**

Đại diện : Ông NGUYỄN THẾ HỮU

Địa chỉ : Thôn Kiến Phong, xã Đồng Thái, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng

Mã số thuế : 0200793733

Điện thoại : 02253670305

Tài khoản : 9527.1.1053629 Tại Ngân hàng Công thương Việt Nam

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

**ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG**

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 hợp đồng kèm theo.

**ĐIỀU 2. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Quạt treo T400J	Cái	32	286.233	9.159.456
2	Quạt đứng Khiển D400MS-K3 (Kem môn)	Cái	10	533.913	5.339.130
3	Quạt đứng Khiển D400MS-K4 (đỏ đun)	Cái	5	533.913	2.669.565
4	Quạt đứng Khiển D400MS-K2 (ghi nhật)	Cái	1	533.913	533.913
<b>Cộng tiền hàng:</b>					<b>17.702.064</b>
<b>Thuế GTGT:10 % Tiền thuế GTGT:</b>					<b>1.770.206</b>
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>					<b>19.472.670</b>

**ĐIỀU 3. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định của hợp đồng.

**ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B**

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa, dịch vụ như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

**ĐIỀU 5. GIÁ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

1. Giá trị hợp đồng: **19.472.670 VND**. Đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí và các chi phí liên quan để Bên A hoàn thành các công việc theo thỏa thuận của Hợp đồng.

2. Phương thức thanh toán:

+ Phương thức thanh toán: Tiền mặt.

+ Tiến độ thanh toán: Việc thanh toán được thực hiện như sau:

Sau khi ký hợp đồng, Bên A cung cấp cho bên B sẽ tạm ứng 10.000.000 đồng, còn lại thanh toán sau khi Bên A giao hàng đến kho Bên B và xuất trình đủ các tài liệu thanh toán sau:

+ Hóa đơn (theo quy định của pháp luật) + Biên bản giao nhận hàng hóa;  
+ Các Biên bản nghiệm thu cho tất cả hàng hóa của hợp đồng được hai bên kiểm tra và ký khi hàng hóa đạt yêu cầu về số lượng và chất lượng;

**ĐIỀU 6. LOẠI HỢP ĐỒNG:** Hợp đồng trọn gói.

**ĐIỀU 7. THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng **60 ngày** (không bao gồm Thứ 7, Chủ nhật và ngày nghỉ lễ) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

**ĐIỀU 8. HIỆU CHỈNH, BỔ SUNG HỢP ĐỒNG**

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Do thay đổi phạm vi công việc theo yêu cầu của Bên B ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.

- Do ảnh hưởng của bão, lũ lụt, động đất, song thần, hỏa hạn hoặc các sự kiện bất khả kháng khác.

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

**ĐIỀU 9. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

**ĐIỀU 11. TÍNH HỢP LỆ CỦA HÀNG HÓA**

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới 100%, chưa qua sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo.
2. Bên B phải chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa cung cấp.

### **ĐIỀU 12. BẢO HÀNH**

- Thời hạn bảo hành: 12 tháng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
- Chi phí bảo hành: Mọi chi phí phát sinh cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật của hàng hóa trong thời gian bảo hành do Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Chế độ bảo hành:
  - Khắc phục sự cố của thiết bị xảy ra theo đúng như quy trình bảo hành đã cam kết và công bố.
  - Bên B phải chịu mọi chi phí trong quá trình thực hiện bảo hành.

### **ĐIỀU 13. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành ký biên bản nghiệm thu hợp đồng, Biên bản thanh lý hợp đồng và bên A thanh toán giá trị hợp đồng cho bên B.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**Biểu số 2.15: Phiếu chi**

Đơn vị: Công ty TNHH Đại Hữu.

**Mẫu số: 02 – TT**

Địa chỉ: Kiến Phong – Đồng Thái – An Dương – (Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT – BTC  
Hải Phòng.

Ngày 26/8/2016 của BTC)

**PHIẾU CHI**

Ngày 20 tháng 09 năm 2021

Số PC: 0030

Nợ: 331

Có: 111

Họ tên người nhận tiền: Công ty cổ phần cơ điện Hải Phòng

Địa chỉ: Số nhà LK2-29 khu Golden Land Hoàng Huy, Xã An Đồng, Huyện An Dương,  
Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Lý do chi: Tạm ứng tiền hàng cho nhà cung cấp

Số tiền: 10.000.000 VND

Bằng chữ: Mười triệu đồng chẵn./.

Kèm theo 02 chứng từ gốc

Ngày 20 tháng 09 năm 2021

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người nhận tiền</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

(Nguồn trích dẫn: Phòng kế toán)

**Biểu số 2.12: Hoá đơn Giá trị gia tăng**

<b>HOÁ ĐƠN</b>	<b>Mã số: 01GTKT/001</b>				
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>	<b>Kí hiệu: MV/20P</b>				
Liên 2: Giao khách hàng	<b>Số: 0002598</b>				
Ngày 24 tháng 09 năm 2021					
Đơn vị bán hàng (Issuer): <b>CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN HẢI PHÒNG</b>					
Địa chỉ (Address): Số nhà LK2-29 khu Golden Land Hoàng Huy, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam					
Mã số thuế (VAT code): 0201143914					
Số tài khoản (Account number)					
Họ tên người mua hàng: .....					
Tên đơn vị (Company's name): Công ty TNHH Đại Hữu					
Địa chỉ (Address): Thôn Kiến Phong - Xã Đồng Thái - Huyện An Dương - Thành Phố Hải Phòng					
Số tài khoản: 2304202001458					
Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK					
Mã số thuế (Tax code): 0200793733					
STT (No.)	Tên hàng hóa dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Quạt treo T400J	Cái	32	286.233	9.159.456
	Quạt đứng Khiển D400MS-K3	Cái	10	533.913	5.339.130
	Quạt đứng Khiển D400MS-K4	Cái	5	533.913	2.669.565
	Quạt đứng Khiển D400MS-K2	Cái	1	533.913	533.913
	Cộng tiền hàng:				17.702.064
	Thuế GTGT: 10%				1.770.206
	Tổng Cộng tiền thanh toán :				19.472.670
Số tiền viết bằng chữ : Mười chín triệu, bốn trăm bảy mươi hai nghìn, sáu trăm bảy mươi đồng./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Nguồn: Phòng kế toán)					

**Biểu số 2.16. Phiếu nhập kho số 69**

Đơn vị: Công ty TNHH Đại Hữu.  
Địa chỉ: Kiến Phong –Đông Thái – An Dương – Hải  
Phòng.

Mẫu số: 02-VT  
(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC  
Ngày 26/8/2016 của bộ trưởng bộ tài chính)

Số: 188

**PHIẾU NHẬP KHO**  
Ngày 24 tháng 9 năm 2021

Nợ:156

Có: 331

Họ và tên người giao hàng: Công ty cổ phần cơ điện Hải Phòng  
Địa chỉ: Số nhà LK2-29 khu Golden Land Hoàng Huy, Xã An Đông, Huyện An  
Dương, Thành phố Hải Phòng  
Lý do nhập kho: Nhập kho hàng hóa  
Nhập tại kho: 01  
VNĐ

Đơn vị tính:

S T T	Tên, nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm hàng hoá	Mã số	VT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
1	Quạt treo T400J		Cái	32	32	286.233	9.159.456
2	Quạt đứng Khiên D400MS-K3 (Kem môn)		Cái	10	10	533.913	5.339.130
3	Quạt đứng Khiên D400MS-K4 (đỏ đụn)		Cái	5	5	533.913	2.669.565
4	Quạt đứng Khiên D400MS-K2 (ghi nhạt)		Cái	1	1	533.913	533.913
	<b>Cộng</b>						<b>17.702.064</b>

Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Mười bảy triệu, bảy trăm lẻ hai nghìn không trăm sáu  
mươi tư đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 24 tháng 9 năm 2021

Người lập  
(ký, họ tên)

Người giao hàng  
(ký, họ tên)

Thủ kho  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn trích dẫn: Phòng kế toán)

**Ví dụ 3:** Ngày 14/8/2021, công ty TNHH Đại Hữu và trả tiền mua hàng cho Công ty TNHH Nhật Linh bằng tiền mặt, số tiền 6.728.260 đồng.

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 0010297 và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời kế toán ghi sổ chi tiết phải trả người bán TK 331. Căn cứ vào sổ nhật ký chung kế toán vào cái TK 331, TK 156, TK133 Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán

**Biểu số 2.17: Hoá đơn Giá trị gia tăng**

<b>HOÁ ĐƠN</b>		<b>Mã số: 01GTKT/001</b>			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		<b>Kí hiệu: NL/20P</b>			
Liên 2: Giao khách hàng		<b>Số: 0010297</b>			
Ngày 14 tháng 08 năm 2021					
Đơn vị bán hàng (Issuer): CÔNG TY TNHH NHẬT LINH					
Địa chỉ (Address): CỤM CÔNG NGHIỆP THANH KHƯƠNG, XÃ THANH KHƯƠNG, HUYỆN THUẬN THÀNH, TỈNH BẮC NINH, VIỆT NAM					
Mã số thuế (VAT code): 2 3 0 0 3 3 6 0 1 1					
ĐT: 0222.3798677 FAX: 0222.3798676. WEBSITE: WWW.LIOA.COM.VN					
Số tài khoản (Account number)					
Họ tên người mua hàng: .....					
Tên đơn vị (Company's name): Công ty TNHH Đại Hữu					
Địa chỉ (Address): Thôn Kiến Phong - Xã Đồng Thái - Huyện An Dương - Hải Phòng					
Số tài khoản: 2304202001458					
Hình thức thanh toán (Payment method): TK/CK					
Mã số thuế (Tax code): 0200793733					
STT (No.)	Tên hàng hóa dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Ổ 6D CÓ NẮP CHE DÂY	Cái	50	88.550	4.427.500
02	Ổ XÁCH TAY DÂY 10MX2 15A XTD10	Cái	01	139.750	139.750
03	Ổ ĐĨA BAY DÂY 10MX2 10A DB10-2-10A	Cái	01	86.350	86.350
04	Ổ MINI DÂY 3MX2 10A	Cái	02	55.000	110.000
05	Ổ 4D +6S DÂY 3MX2 4D6S32	Cái	50	67.650	1.353.000
Cộng tiền hàng :					6.116.600
Thuế GTGT: 10%					611.660
Tổng Cộng tiền thanh toán :					6.728.260
Số tiền viết bằng chữ : Sáu triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Nguồn: Phòng kế toán)</i>					

**Biểu số 2.18: Phiếu chi**

Đơn vị: Công ty TNHH Đại Hữu.

**Mẫu số: 02 – TT**

Địa chỉ: Kiến Phong – Đồng Thái – An Dương – ( Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT – BT  
Hải Phòng.

Ngày 26/8/2016 của BTC)

**PHIẾU CHI**

Số PC: 0040

Ngày 15 tháng 8 năm 2021

Nợ: 331

Có: 111

Họ tên người nhận tiền: CÔNG TY TNHH NHẬT LINH

Địa chỉ: CỤM CÔNG NGHIỆP THANH KHƯƠNG, XÃ THANH KHƯƠNG,  
HUYỆN THUẬN THÀNH, TỈNH BẮC NINH, VIỆT NAM

Lý do chi: thanh toán mua ô điện

Số tiền: 6.728.260 VND

Bằng chữ: SÁU TRIỆU, BẢY TRĂM HAI MƯƠI TÁM NGHÌN, HAI TRĂM SÁU  
MƯƠI ĐỒNG CHẴN

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2021

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người nộp tiền</b>	<b>Người lập phiếu</b>	<b>Thủ quỹ</b>
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

(Nguồn trích dẫn: Phòng kế toán)

**Ví dụ 4:** Ngày 20/9/2021, công ty thanh toán tiền nợ cho Công ty TNHH Thương mại Việt Mỹ, số tiền nợ kỳ trước.

Căn cứ vào giấy báo nợ kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời kế toán ghi sổ chi tiết phải trả người bán TK 331. Căn cứ vào sổ nhật ký chung kế toán ghi sổ kế toán vào cái TK 331, TK 156, TK133 Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán

**Bảng 2.19 Ủy Nhiệm chi**

**ỦY NHIỆM CHI**

Số: 039

Lập ngày: 20/9/2021

Tên đơn vị trả tiền: Công ty TNHH Đại Hữu.	
Số TK: 001848339	TK Nợ 001848339
Tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	
Tên đơn vị nhận tiền: Công ty TNHH Thương mại Việt Mỹ	TK Có 052830519334
Số hiệu TK: 052830519334	
Tại ngân hàng Techcombank	
Số tiền ( bằng chữ ): Tám mươi tám triệu đồng	Số tiền 88.000.000VNĐ
Nội dung: Thanh toán nợ Công ty cổ phần sản xuất Hoàng Huyền	
Giao dịch viên/ NV nghiệp vụ ( <i>User ID</i> )	Kiểm soát ( <i>Override user ID</i> )



**Biểu số 2.20: Giấy báo nợ**



**GIẤY BÁO NỢ**  
CREDIT ADVICE

Số (Seq): 039  
Ngày (Day): 20/9/2021  
Giờ (Time): 09:16:26

Kính gửi (*Dear*): Công ty TNHH Đại Hữu.

Hôm nay, ngân hàng chúng tôi xin trân trọng thông báo đã ghi Nợ TK của quý khách với nội dung như sau:

Mã số khách hàng (*Client No*): 001848339 Đại Hữu

Số TK / Tên TK (*Account No / Account Name*): 052830519334 Đại Hữu

Nội dung (*Instruction*): Thanh toán nợ Công ty TNHH Thương mại Việt Mỹ

Số tiền bằng chữ: 88.000.000

*Credit amount in word*

Tám mươi tám triệu đồng./.

**Số tiền (*Credit amount in figures*): 88.000.000VND**

Giao dịch viên/ NV nghiệp vụ  
(*User ID*)

Kiểm soát  
(*Override user ID*)

(*Nguồn trích dẫn: Phòng kế toán*)

**Biểu số 2.21. sổ chi tiết thanh toán với người bán**

**Đơn vị:** Đơn vị: Công ty TNHH Đại Hữu.

**Địa chỉ:** Kiến Phong, Đồng Thái, An Dương, Hải Phòng.

**Mẫu số S12-DNN**

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)**

(Dùng cho TK: 131, 331)

Năm 2021

Tài khoản: 331

**Đối tượng:** Công ty TNHH Thương mại Việt Mỹ

*Loại tiền: VNĐ*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			- Số dư đầu kỳ			0			<b>158.656.000</b>
			- Số phát sinh trong kỳ						
...	...	...	.....	...	...	...	...	...	...
16/4	PNK69	16/4	Mua hàng hóa chưa thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Việt Mỹ	156			66.600.000		92.056.000
	HD 5782			133			6.660.000		98.716.000
20/9	GBN39	20/9	Thanh toán nợ cho công ty Việt Mỹ	112		88.000.000			10.716.000
...	...	...	.....	...	...	...	...	...	...
			<b>- Cộng số phát sinh</b>			<b>388.000.000</b>	<b>217.460.000</b>		
			- Số dư cuối kỳ						<b>11.884.000</b>

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

**Biểu số 2.22. sổ chi tiết thanh toán với người bán**

**Đơn vị:** Đơn vị: Công ty TNHH Đại Hữu.

**Địa chỉ:** Kiến Phong, Đồng Thái, An Dương, Hải Phòng.

**Mẫu số S12-DNN**

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)**

(Dùng cho TK: 131, 331)

**Năm 2021**

**Tài khoản: 331**

**Đối tượng:** Công ty cổ phần cơ điện Hải Phòng

*Loại tiền: VNĐ*

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			- Số dư đầu kỳ						<b>120.850.000</b>
			- Số phát sinh trong kỳ						
18/7	PC30	18/7	Ứng tiền cho Công ty cổ phần cơ điện Hải Phòng	111		10.000.000		10.000.000	
24/9	HD2598	24/9	Mua hàng của Công ty cổ phần cơ điện Hải Phòng	156			17.702.064		7.702.064
				331			1.770.206		9.472.270
...	...	...	.....	...	...	...	...	...	
			- Cộng số phát sinh			<b>89.560.000</b>	<b>90.985.500</b>		
			- Số dư cuối kỳ						<b>122.275.500</b>

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán)

**Biểu số 2.23. Sổ chi tiết thanh toán với người bán**

**Đơn vị:** Đơn vị: Công ty TNHH Đại Hữu.

**Địa chỉ:** Kiến Phong, Đồng Thái, An Dương, Hải Phòng.

**Mẫu số S12-DNN**

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)**

(Dùng cho TK: 131, 331)

**Tài khoản: 331**

**Đối tượng:** Công ty TNHH Nhật Linh

**Loại tiền: VNĐ**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			- Số dư đầu kỳ						<b>0</b>
			- Số phát sinh trong kỳ						
14/8	HD10297	14/8	Mua thiết bị điện của công ty Nhật Linh	156 133			6.116.600 611.600		6.116.600 6.728.260
15/8	PC40	15/8	Thanh toán nợ tiền hàng cho công ty Nhật Linh	111		6.728.260			0
			- Cộng số phát sinh			<b>6.728.260</b>	<b>6.728.260</b>		
			- Số dư cuối kỳ						<b>0</b>

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguyên: Phòng kế toán)

**Biểu số 2.24. sổ chi tiết thanh toán với người mua**

Đơn vị: Đơn vị: Công ty TNHH Đại Hữu.

Địa chỉ: Kiến Phong, Đồng Thái, An Dương, Hải Phòng.

Mẫu số S12-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

**BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

Năm 2021

Tài khoản: 331

Tên tài khoản: Phải trả người bán

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...	...
04	Công ty TNHH Thương mại Việt Mỹ		158.656.000	388.000.000	217.460.000		11.884.000
...	...	...	...	...	...	...	...
06	Công ty cổ phần cơ điện Hải Phòng		120.850.000	89.560.000	90.985.500		122.275.500
...	...	...	...	...	...	...	...
08	Công ty TNHH Nhật Linh			6.728.260	6.728.260		0
...	...	...	...	...	...	...	...
	<b>Cộng</b>		<b>1.067.650.997</b>	<b>7.855.377.156</b>	<b>8.100.273.612</b>		<b>1.312.547.453</b>

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Căn cứ vào bảng hợp đồng, hóa đơn GTGT, giấy báo Nợ, phiếu chi... và kế toán vào sổ nhật ký chung

**Bảng 2.25: Trích sổ nhật ký chung**

Đơn vị: Đơn vị: Công ty TNHH Đại Hữu.

Địa chỉ: Kiến Phong, Đồng Thái, An Dương, Hải Phòng.

Mẫu số: S03a-DNN

(Ban hành theo TT133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2021

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	Ngày tháng			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
06/4	PNK69 HD 5782	06/4	Mua hàng hóa chưa thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Việt Mỹ	156	66.600.000	
				133	6.660.000	
				331		73.260.000
...	...	...	...	...	...	...
18/7	PC30	18/7	Ứng tiền cho Công ty cổ phần cơ điện Hải Phòng	331	10.000.000	
				111		10.000.000
...	...	...	...	...	...	...
15/8	PC40	15/8	Thanh toán nợ tiền hàng cho công ty Nhật Linh	331	6.728.260	
				111		6.728.260
...	...	...	...	...	...	...
20/9	GBN39	20/9	Thanh toán nợ cho công ty Việt Mỹ	331	88.000.000	
				112		88.000.000
...	...	...	...	...	...	...
24/9	HD2598 PNK155	24/9	Mua hàng của Công ty cổ phần cơ điện Hải Phòng	156	17.702.064	
				133	1.770.206	
				331		19.472.270
...	...	...	...	...	...	...
<b>Cộng số phát sinh</b>					<b>112.783.044.008</b>	<b>112.783.044.008</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Căn cứ vào kế toán vào sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái TK 331

**Bảng 2.26: Trích sổ cái TK 331**

Đơn vị: Đơn vị: Công ty TNHH Đại Hữu.

Địa chỉ: Kiến Phong, Đồng Thái, An Dương, Hải Phòng.

Mẫu số: S02b - DNN

(Ban hành theo TT133/2016/TT- BTC

Ngày 16/8/2016 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**Năm 2021**

Số hiệu tài khoản: 331, Tên tài khoản: Phải trả người bán

Đơn vị tính: đồng

Ngày Tháng Ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Nợ	Có
	Số hiệu	Ngày tháng				
1	2	3	4	6	7	8
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			<b>1.067.650.997</b>
...	...	...	...	...	...	...
06/4	PNK69 HĐ 5782	06/4	Mua hàng hóa chưa thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Việt Mỹ	156		66.600.000
				133		6.660.000
...	...	...	...	...	...	...
18/7	PC30	18/7	Ứng tiền cho Công ty cổ phần cơ điện Hải Phòng	111	10.000.000	
...	...	...	...	...	...	...
15/8	HĐ1029 7 PC40	15/8	Thanh toán nợ tiền hàng cho công ty Nhật Linh	111	6.728.260	
...	...	...	...	...	...	...
20/9	GBN39	20/9	Thanh toán nợ cho công ty Việt Mỹ	156	88.000.000	
...	...	...	...	...	...	...
24/9	HĐ2598 PNK155	24/9	Mua hàng của Công ty cổ phần cơ điện Hải Phòng	156		17.702.064
				133		1.770.206
...	...	...	...	...	...	...
<b>Cộng số phát sinh</b>					<b>7.855.377.156</b>	<b>8.100.273.612</b>
<b>Số dư cuối kỳ</b>						<b>1.312.547.453</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Người lập biểu

(Ký. họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký. họ tên)

Giám đốc

(Ký. họ tên. đóng dấu)

---

**CHƯƠNG 3 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC  
KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG  
TY TNHH ĐẠI HỮU**

**3.1. Đánh giá về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng tại Công ty TNHH Đại Hữu**

**3.1.1. Ưu điểm**

- Về tổ chức bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán tổ chức theo mô hình tập trung, đơn giản, gọn nhẹ. Cán bộ kế toán được bố trí hợp lý, đúng người đúng việc. Các nhân viên phòng kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo thông tin chính xác cho kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị.

- Về hình thức kế toán: Công ty áp dụng theo hình thức sổ “nhật ký chung”, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên, đầy đủ và kịp thời.

- Về hệ thống chứng từ, tài khoản và báo cáo tài chính

+ Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

+ Công ty TNHH Đại Hữu sử dụng những tài khoản trong hệ thống tài khoản ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC. Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước.

+ Về báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

- Về công tác kế toán thanh toán và thu hồi công nợ: Công tác thanh toán nợ của công ty được đánh giá chung là tốt. Công ty mở sổ chi tiết để theo dõi cho từng đối tượng người mua và người bán giúp cho nhà quản lý có được những thông tin chính xác về tình hình công nợ phải thu, phải trả của công ty để thu xếp thanh toán, chi trả đúng hạn và kịp thời cũng như thu hồi các khoản nợ phải thu tương đối kịp thời.

**3.1.2. Hạn chế**

Thứ nhất, Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: Hiện nay tại công ty có phát sinh nợ phải thu khó đòi (đòi nhiều lần nhưng khách hàng trì hoãn chưa thanh toán) nhưng Công ty TNHH Đại Hữu hiện nay chưa tiến hành



trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Việc Công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tài chính của doanh nghiệp nếu như những khoản nợ này không thể thu hồi được trong tương lai và số liệu trên Báo cáo tình hình tài chính không phản ánh đúng tình hình tài chính tại doanh nghiệp tại thời điểm cuối năm tài chính. Công ty nên lập bảng tổng hợp trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi vào cuối năm tài chính để rõ ràng, minh bạch, dễ theo dõi kiểm soát hơn.

Thứ hai, Đối với các khoản nợ phải thu: Đối với các khoản nợ thì công ty chưa có biện pháp để thu hồi nợ hiệu quả.

Thứ ba, Đối với công tác ghi chép sổ sách kế toán: Mặc dù công ty đã trang bị hệ thống máy tính cho phòng kế toán nhưng kế toán chỉ sử dụng Excel và máy tính chỉ giúp cho phần tính toán đơn thuần còn việc hạch toán chủ yếu vẫn thực hiện theo cách thủ công nên việc tính toán gặp khó khăn, dễ dẫn đến sai sót. Việc áp dụng công nghệ thông tin của công ty vẫn còn hạn chế. Với khối lượng công việc khá nhiều nhưng công tác kế toán của công ty chủ yếu là thủ công, công ty chưa áp dụng kế toán máy để thuận lợi cho việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế nên việc cung cấp báo số liệu có lúc còn hạn chế và thiếu tính kịp thời, làm ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của công ty

### **3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua và người bán tại Công ty TNHH Đại Hữu**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, kinh tế Việt Nam đang trên đà hội nhập và phát triển mạnh mẽ. Đối với mỗi doanh nghiệp không chỉ là cơ hội mà còn là thách thức, đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng phấn đấu để tồn tại. Để đạt được mục tiêu đó Công ty TNHH Đại Hữu phải hoàn thiện, đổi mới không ngừng, phải có chính sách quản lý tốt, thay đổi những cơ chế không phù hợp với doanh nghiệp, trong đó có công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán nói riêng. Nghiệp vụ thanh toán với người mua và người bán xảy ra cả trong quá trình mua hàng và quá trình bán hàng. Các nghiệp vụ thanh toán có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp, nó tạo ra vốn cho doanh nghiệp phát triển và góp phần duy trì sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Nên việc ghi chép, theo dõi các nghiệp vụ thanh toán giúp việc quản lý tài chính, cung cấp thông tin số liệu chính xác phản ánh trung thực tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy công ty cần phải không ngừng hoàn thiện bộ máy kế toán cũng như công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán

### **3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Đại Hữu.**

#### **\* Phương hướng**

Trong tình hình nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế nước ta nói riêng đang có những thay đổi lớn, Công ty TNHH Đại Hữu đã có những định hướng phát triển trong tương lai để kịp thời bắt nhịp được với sự thay đổi trong nền kinh tế nhằm đưa công ty ngày càng phát triển hơn nữa.

Tích cực đẩy mạnh quảng bá hình ảnh công ty đến khách hàng. Để làm được điều đó là sự nỗ lực không ngừng nghỉ của tập thể ban lãnh đạo Công ty và toàn thể nhân viên.

Giữ vững và phát huy được xu hướng phát triển hiện nay của công ty cả về doanh số và nhân lực.

Tăng cường đào tạo và phát huy tính sáng tạo của đội ngũ cán bộ công nhân viên nhằm ngày càng tăng cường được hàm lượng công nghệ trong công việc, cải thiện năng suất và hiệu quả công việc.

Củng cố và phát huy thương hiệu công ty TNHH Đại Hữu về các mặt:

- Chất lượng sản phẩm tốt nhất
- Thời gian giao hàng nhanh nhất
- Phong cách phục vụ chuyên nghiệp nhất
- Sự hài lòng của khách hàng.

#### **\* Yêu cầu**

Để có thể hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người bán và người mua tại Công ty TNHH Đại Hữu thì các phương hướng và biện pháp đưa ra phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

- Hoàn thiện công tác kế toán phải được thực hiện dựa trên cơ sở tuân thủ các chính sách kinh tế của Nhà nước nói chung và chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành nói riêng. Nhà nước quản lý nền kinh tế thông qua các công cụ kinh tế vĩ mô, để có thể tồn tại và phát triển thì doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh phải chấp hành đầy đủ các quy định nhà nước ban hành. Doanh nghiệp phải tuân thủ chính sách chế độ kế toán thì thông tin kế toán mới thống nhất, việc kiểm tra kiểm soát của nhà nước mới có thể thực hiện được.

- Công tác kế toán cần đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác cho nhà quản lý, không để xảy ra tình trạng thông tin bị dồn ứ không cung cấp kịp thời cho nhu cầu quản trị trong nội bộ công ty cũng như những đối

tượng quan tâm khác. Những thông tin kịp thời, chính xác, khách quan của doanh nghiệp sẽ giúp công ty đưa ra các quyết định phù hợp trong quá trình hoạt động kinh doanh.

- Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán tại Công ty TNHH Đại Hữu phải hướng tới những tiện ích mà phần mềm kế toán máy đem lại để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả làm việc, giúp cho doanh nghiệp giảm bớt chi phí và đạt kết quả hơn.

### **3.4. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty TNHH Đại Hữu**

#### **3.2.1. Ý kiến đề xuất hoàn thiện vận dụng phần mềm kế toán**

Hiện tại, Công ty TNHH Đại Hữu đã trang bị hệ thống máy tính tương đối hiện đại. Đây là một điều kiện rất thuận lợi cho DN nhưng do DN chưa trang bị cho mình một phần mềm kế toán phù hợp dẫn đến việc lãng phí thời gian khi kế toán phải sử dụng hệ thống kế toán thủ công, công việc tính toán số liệu rắc rối, khả năng sai sót, nhầm lẫn cao. So với hình thức kế toán thủ công thì phần mềm kế toán máy có nhiều ưu điểm hơn, thể hiện ở các mặt sau:

+ Tính chính xác: Nếu như trước đây khi kế toán viên cộng sổ kế toán sai thì toàn bộ báo cáo tài chính, quản trị có liên quan đều phải được lập lại từ đầu và thời gian tiêu tốn cho việc này có thể mất vài ngày, thậm chí tới một tuần để hoàn thành, thì với sự hỗ trợ của phần mềm thì người sử dụng có thể giảm tối đa thời gian lãng phí vào việc chỉnh sửa dữ liệu, sổ sách, báo cáo từ vài ngày xuống chỉ còn vài phút. Bên cạnh đó, do dữ liệu tính toán để kết xuất ra báo cáo đều căn cứ vào một nguồn duy nhất là các chứng từ gốc được nhập vào nên dữ liệu được cung cấp bằng phần mềm kế toán mang tính nhất quán cao. Trong khi đó, với công tác kế toán thủ công, các thông tin trên một chứng từ có thể do nhiều kế toán viên ghi chép trên nhiều sổ sách nghiệp vụ mà mình phụ trách nên dễ dẫn tới tình trạng sai lệch dữ liệu trên các báo cáo tổng hợp.

+ Tính hiệu quả: Với khả năng cung cấp thông tin kế toán tài chính và quản trị một cách đa chiều và nhanh chóng, phần mềm kế toán giúp cho chủ doanh nghiệp ra quyết định nhanh hơn, chính xác hơn, hiệu quả hơn. Mặt khác, công tác kế toán thủ công đòi hỏi cần nhiều nhân sự làm kế toán, trong khi phần mềm kế toán do tự động hóa hoang toàn các công đoạn lưu trữ, tính toán, tìm kiếm và kết xuất báo cáo nên tiết kiệm được nhân sự và thời gian, góp phần tiết kiệm chi phí đáng kể cho công ty.

+ Tính chuyên nghiệp: Bằng việc sử dụng phần mềm kế toán, toàn bộ hệ thống báo cáo, sổ sách kế toán của công ty được in ấn sạch sẽ, đẹp và nhất quán theo các chuẩn mực quy định. Điều này giúp công ty thể hiện được tính chuyên nghiệp của mình với các khách hàng, đối tác và đặc biệt là các nhà tài chính, kiểm toán và đầu tư khi đọc báo cáo tài chính.

+ Tính cộng tác: Các phần mềm kế toán hiện nay đều cung cấp đầy đủ các phần hành kế toán từ mua hàng, bán hàng, thu, chi,... cho tới lương, tài sản cố định và cho phép nhiều người làm kế toán cùng làm việc này với nhau trên cùng một dữ liệu kế toán. Như vậy, trong môi trường làm việc này, số liệu đầu ra của người này có thể là số liệu đầu vào của người kia và toàn bộ hệ thống tích hợp chặt chẽ với nhau tạo ra một môi trường làm việc cộng tác và cũng biến đổi văn hóa làm việc của công ty theo hướng chuyên nghiệp và tích cực hơn.

Bên cạnh đó, đối với từng đối tượng, các phần mềm kế toán còn có những lợi ích khác nhau:

+ Về phía công ty: Các phần mềm kế toán hỗ trợ các nhân viên không phải thực hiện việc ghi chép, tính toán bằng tay đồng thời không yêu cầu kế toán viên phải nắm vững nghiệp vụ chi tiết mà chỉ cần nắm vững được quy trình hạch toán kế toán, vẫn có thể cho ra được báo cáo chính xác. Đối với kế toán trưởng, nó giúp tiết kiệm thời gian trong việc tổng hợp, so sánh, đối chiếu các sổ sách, báo cáo kế toán; cung cấp tức thì được bất kỳ số liệu và báo cáo kế toán nào, tại bất kỳ thời điểm nào cho người quản lý khi được yêu cầu. Đối với giám đốc tài chính, phần mềm kế toán cung cấp các báo cáo phân tích về hoạt động tài chính của công ty theo nhiều chiều khác nhau một cách nhanh chóng đồng thời hoạch định và điều chỉnh các kế hoạch tài chính của công ty một cách chính xác và nhanh chóng. Khi sử dụng các phần mềm kế toán, giám đốc điều hành sẽ có được đầy đủ các thông tin tài chính – kế toán của doanh nghiệp khi cần thiết để phục vụ cho việc ra quyết định đầu tư, điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh một cách kịp thời, nhanh chóng và hiệu quả, bên cạnh đó còn tiết kiệm được nhân lực, chi phí và tăng cường được tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân sự.

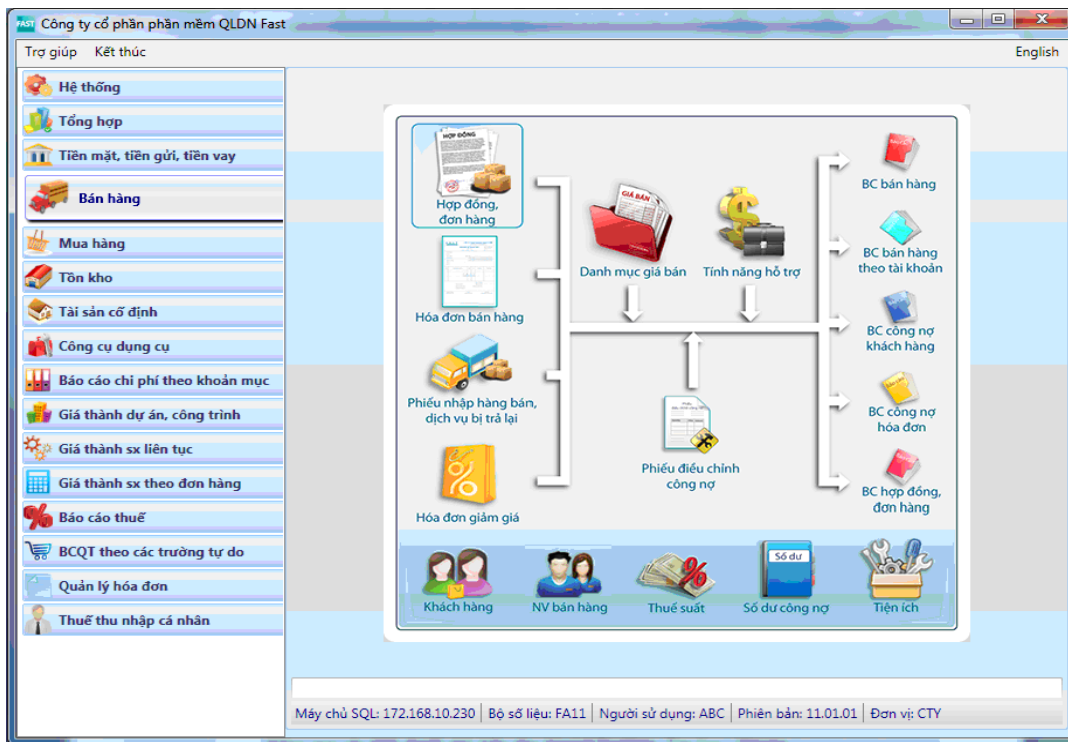
+ Đối với cơ quan thuế và kiểm toán, phần mềm kế toán giúp cho công tác kiểm tra chứng từ, sổ sách kế toán tại công ty trở nên chuyên nghiệp hơn.

Do đó, để nâng cao hiệu quả đồng thời để khai thác tối đa ưu việt của máy vi tính, công ty có thể sử dụng các phần mềm kế toán. Hiện nay trên thị trường có rất nhiều các phần mềm chuyên dụng hỗ trợ công việc của kế toán như phần

mềm kế toán Misa, phần mềm kế toán Fast Accounting, phần mềm ACsoft, Bravo,...

Bên cạnh đó, công ty nên thường xuyên đào tạo đội ngũ cán bộ kế toán, nâng cao trình độ chuyên môn để có thể sử dụng máy vi tính hiệu quả nhất.

Dưới đây là phần mềm kế toán Fast Accounting 21 có 16 phân hệ, được phát triển trên công nghệ của Microsoft, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet.



### 3.2.2. Ý kiến đề xuất hoàn thiện việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

Hiện nay, Công ty TNHH Đại Hữu đang có những khoản nợ xấu, công ty đã thực hiện đòi nợ nhiều lần nhưng khách hàng vẫn chây ì, chưa thanh toán. Vì vậy, việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi mang ý nghĩa rất quan trọng. Nó sẽ giúp doanh nghiệp hạn chế tối đa tổn thất phải chịu khi có những sự cố khách hàng không thể thanh toán được cũng như phản ánh đúng đắn tình hình tài chính của doanh nghiệp.

*\* Về cơ sở pháp lý của việc trích lập dự phòng:*

Căn cứ để lập trích lập dự phòng là thông tư số 48/2019-BTC ngày 28/8/2019.

*\* Đối tượng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:*

Đối tượng lập dự phòng là các khoản nợ phải thu (bao gồm cả các khoản doanh nghiệp đang cho vay và khoản trái phiếu chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán mà doanh nghiệp đang sở hữu) đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng doanh nghiệp không thu hồi được đúng hạn.

\* Điều kiện để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

+ Phải có chứng từ gốc chứng minh số tiền đối tượng nợ chưa trả, bao gồm:

+ Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

- Nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên (tính theo thời hạn trả nợ gốc ban đầu theo hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác, không tính đến thời gian gia hạn trả nợ giữa các bên), doanh nghiệp đã gửi đối chiếu xác nhận nợ hoặc đơn đốc thanh toán nhưng vẫn chưa thu hồi được nợ.

- Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng doanh nghiệp thu thập được các bằng chứng xác định đối tượng nợ có khả năng không trả được nợ đúng hạn theo quy định.

- Riêng đối với các khoản nợ mua của doanh nghiệp mua bán nợ (có đăng ký ngành nghề và hoạt động mua bán nợ theo đúng quy định của pháp luật), thời gian quá hạn được tính kể từ ngày chuyển giao quyền chủ nợ giữa các bên (trên cơ sở biên bản hoặc thông báo bàn giao quyền chủ nợ) hoặc theo cam kết gần nhất (nếu có) giữa doanh nghiệp đối tượng nợ và doanh nghiệp mua bán nợ.

\* *Mức trích lập dự phòng mà công ty có thể áp dụng:*

Từ 6 tháng đến dưới 1 năm: 30%, từ 1 năm đến dưới 2 năm: 50%, từ 2 năm đến dưới 3 năm: 70%, từ 3 năm trở lên: 100%.

\* *Chứng từ sử dụng*

Chứng từ gốc của những khoản công nợ không thu hồi được gồm:

- Hợp đồng kinh tế

- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01 – GTKT3/001)

- Biên bản giao nhận hàng kèm phiếu xuất kho (02-VT)

- Biên bản đối chiếu công nợ có đóng dấu, ký xác nhận của hai bên

- Công văn mà bên mua đã gửi về trường hợp không còn khả năng thanh toán .

\* *Tài khoản sử dụng*

- Tài khoản 2293 “Dự phòng phải thu của khách hàng”

\* *Ví dụ*

**Lập bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Căn cứ vào báo cáo tình hình công nợ phải thu khách hàng vào ngày 31/12/2021, kế toán có thể trích lập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

**Biểu 3.4: Bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Công ty TNHH Đại Hữu.

Kiến Phong – Đồng Thái – An Dương – Hải Phòng.

**BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: đồng

STT	Tên khách hàng	Số nợ phải thu (đ)	Thời gian quá hạn TT(tháng)	Khả năng TT (%)	Tỷ lệ trích lập dự phòng (%)	Số trích lập dự phòng (đ)
1	Công ty TNHH TM Phương Ngọc	176.098.122	07	-	30	52.829.437
2	Công ty cổ phần thép và vật tư công nghiệp	75.343.290	08	-	30	22.602.987
3	Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	98.765.119	09		30	29.629.536
...	....	....		....	....	.....
	<b>Tổng</b>					<b>216.725.438</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Kế toán ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên, đóng dấu)

**3.2.3. Ý kiến đề xuất Về việc xây dựng các biện pháp cụ thể để thu hồi nợ phải thu.**

- *Đối chiếu công nợ định kì của doanh nghiệp*

Công ty phải thường xuyên đối chiếu công nợ định kì vào cuối tháng để có thể quản lý chặt chẽ mà không bỏ sót một khoản nợ nào của người mua và người bán. Kế toán phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu, phải trả để có kế hoạch đôn đốc sớm thu hồi các khoản nợ để không bị tồn đọng vốn, cũng như lên kế hoạch để thanh toán các khoản nợ người bán tránh để nợ bị quá hạn

Với công nợ phải trả, công ty có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi biên bản đối chiếu công nợ.

Với công nợ phải thu, công ty có thể tham khảo biên bản đối chiếu công nợ cho khách hàng theo mẫu sau:



# Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Công ty TNHH Đại Hữu  
01/BB/...

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
Hải phòng, Ngày .....Tháng ... Năm .....

## BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

- Căn cứ vào biên bản giao nhận hàng hóa.
  - Căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết giữa hai bên.
- Hôm nay, ngày... tháng....năm ..... Tại văn phòng Công ty ....., chúng tôi gồm có:

1. **Bên A (Bên mua):** .....

– Địa chỉ : .....

• MST

– Điện thoại : Fax:

– Đại diện : Chức vụ:

2. **Bên B (Bên bán):** Công ty TNHH Đại Hữu

– Địa chỉ :

– Điện thoại : Fax:

– Đại diện : Chức vụ:

Cùng nhau đối chiếu công nợ đến thời điểm ngày .... Tháng..... Năm.....

**Công nợ đầu kỳ: ... đồng**

**Số phát sinh trong kỳ:**

STT	Số CT	Ngày CT	Diễn giải	PS Nợ	Ps Có
<b>Tổng cộng</b>					
<b>Số dư cuối kì</b>					

3. **Kết luận:** Tính đến hết ngày.. tháng .... Năm..... bên A phải thanh toán cho Công ty TNHH Đại Hữu số tiền là: .....

– Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở cho việc thanh toán sau này giữa hai bên. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đối chiếu công nợ này mà Công ty TNHH Đại Hữu không nhận được phản hồi từ Quý công ty thì công nợ trên coi như được chấp nhận.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

- *Áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán nhanh, thanh toán trước hạn.*

*Chiết khấu thanh toán:* là một biện pháp thúc đẩy việc thu hồi vốn cũng như nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để thúc đẩy quá trình thu hồi nợ thì cùng với những biện pháp trên công ty nên áp dụng hạch toán chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán nhanh, thanh toán trước hạn. Sẽ giúp thúc đẩy quá trình thu hồi vốn nhanh hơn.

*Cơ sở xây dựng mức chiết khấu thanh toán:* Công ty có thể tham khảo lãi suất huy động và lãi suất cho vay của ngân hàng để quy định mức chiết khấu thanh toán cho phù hợp. Mức chiết khấu thanh toán phải lớn hơn mức lãi suất ngân hàng huy động và nhỏ hơn mức lãi suất ngân hàng cho vay.

Ví dụ: Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng Agribank tại ngày 31/12/2018 là 5.4% /năm; lãi suất cho vay ngắn hạn là 9,8%/năm. Công ty sẽ có những khoản chiết khấu cho khách hàng như sau:

- Chiết khấu 0,5%/ tháng đối với khách hàng thanh toán sớm trước 15 ngày.
- Chiết khấu 0,6%/ tháng đối với khách hàng thanh toán sớm trước từ 16 đến 30 ngày

*Phương pháp hạch toán:*

Số chiết khấu thanh toán phải trả cho khách hàng do khách hàng thanh toán tiền nhanh và trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

*Nợ TK 635: Số tiền chiết khấu thanh toán cho khách hàng*

*Có TK 131, 111, 112: .....*

Việc công ty áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ giúp khuyến khích được các khách hàng hợp tác tích cực trong việc thanh toán nợ. Hạn chế việc khách hàng kéo dài thời gian, khất lần việc thanh toán, gây ảnh hưởng đến nguồn vốn và tình hình tài chính của doanh nghiệp.

## KẾT LUẬN

Với những gì đã đề cập ở trên, thì công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán có vị trí rất quan trọng trong công tác kế toán của Doanh nghiệp. Việc xác định, phản ánh kịp thời, chính xác, chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán với khách hàng sẽ giúp cho nhà quản trị nắm được tình hình tài chính của công ty và đưa ra được những phương hướng phát triển đúng đắn trong doanh nghiệp. Việc xác định, phản ánh kịp thời, chính xác, chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán với người bán sẽ giúp doanh nghiệp nắm được nghĩa vụ của mình trong công tác thanh toán để thực hiện đúng nghĩa vụ như đã cam kết. Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Đại Hữu cùng với những kiến thức đã được học tại trường, em đã nhận thức được vai trò của công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán nói riêng. Có thể nói, công tác kế toán thanh toán của công ty có những ưu điểm:

- + Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, khá gọn nhẹ, hoạt động nề nếp với quy trình làm việc khoa học.

- + Hệ thống sổ sách, tài khoản kế toán khoa học, tuân thủ đúng chế độ kế toán ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ trưởng BTC.

- + Về công tác kế thanh toán được thực hiện khá chặt chẽ, khoa học, phù hợp với tình hình đơn vị, cung cấp thông tin nhanh và chính xác về tình hình công nợ. Song cũng không tránh khỏi những hạn chế:

- + Công tác trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

- + Công tác thu hồi nợ

- + Công tác ghi chép sổ sách kế toán

Từ đây em hiểu rằng: nghiên cứu khoa học không chỉ am hiểu những vấn đề lý luận mà còn phải hiểu biết vận dụng một cách sáng tạo và linh hoạt những lý luận đã nghiên cứu ở trường đại học vào công tác thực tế để giải quyết những vấn đề thực tế xảy ra.

Mặc dù đã rất cố gắng xong do thời gian nghiên cứu hạn chế và những hiểu biết còn thiếu sót nên trong bài nghiên cứu này chúng em không thể tránh khỏi những sai sót. Vậy chúng em rất mong nhận được sự góp ý và chỉ bảo của các thầy cô, ban lãnh đạo công ty và các anh chị trong phòng kế toán của công ty để bài khoản luận của em được hoàn thiện hơn.

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ tài chính (2009), Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 1 Hệ thống tài khoản kế toán, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ tài chính (2009), Chế độ kế toán doanh nghiệp quyền 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Thông tư 133/2016/TT (2014), Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Bộ tài chính
4. Công ty TNHH Đại Hữu (2021) Sổ sách kế toán Công ty.
5. Bộ tài chính, Thông tư 48/2019/TT (2019), Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.
6. Các tài liệu khác trên mạng internet.